

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

CHO NĂM TÀI CHÍNH KẾT THÚC NGÀY 31 THÁNG 12 NĂM 2025

CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC PHẨM CỬU LONG

MỤC LỤC

	Trang
1. Mục lục	1
2. Báo cáo của Ban Tổng Giám đốc	2 - 3
3. Báo cáo kiểm toán độc lập	4 - 5
4. Bảng cân đối kế toán tại ngày 31 tháng 12 năm 2025	6 - 9
5. Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025	10
6. Báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025	11 - 12
7. Bản thuyết minh Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025	13 - 38

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Dược phẩm Cửu Long (sau đây gọi tắt là “Công ty”) trình bày báo cáo của mình cùng với Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025.

Khái quát về Công ty

Công ty là doanh nghiệp được cổ phần hóa từ Doanh nghiệp nhà nước – Công ty Dược và Vật tư y tế Cửu Long, theo quyết định số 2314/QĐ-UB ngày 09 tháng 8 năm 2004 của Chủ tịch UBND tỉnh Vĩnh Long.

Công ty hoạt động theo Giấy chứng nhận Đăng ký doanh nghiệp số 1500202535 đăng ký lần đầu ngày 09 tháng 11 năm 2004 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Vĩnh Long cấp và thay đổi lần thứ 28 ngày 18 tháng 9 năm 2025 do cập nhật địa chỉ Công ty và của Người đại diện pháp luật theo thay đổi địa giới hành chính.

Cổ phiếu của Công ty được niêm yết tại Sở Giao dịch chứng khoán thành phố Hồ Chí Minh với mã chứng khoán DCL.

Trụ sở chính

- Địa chỉ : Số 150 đường 14/9, phường Thanh Đức, tỉnh Vĩnh Long
- Điện thoại : 0270.382.2533
- Fax : 0270.382.2129

Hoạt động kinh doanh chính của Công ty là sản xuất thuốc, hóa chất và dược liệu; Bán lẻ thuốc, dụng cụ y tế, mỹ phẩm.

Hội đồng quản trị, Ban Kiểm soát và Ban Tổng Giám đốc

Các thành viên Hội đồng quản trị, Ban Kiểm soát, Ban Tổng Giám đốc và Kế toán trưởng của Công ty trong năm và cho đến thời điểm lập báo cáo này bao gồm:

Hội đồng quản trị

Họ và tên	Chức vụ	Ngày bổ nhiệm/tái bổ nhiệm/miễn nhiệm
Ông Nguyễn Văn Sang	Chủ tịch	Tái bổ nhiệm ngày 14 tháng 6 năm 2022
Ông Nguyễn Ninh Dũng	Thành viên	Bổ nhiệm ngày 14 tháng 6 năm 2022
Bà Bùi Hồng Hạnh	Thành viên	Bổ nhiệm ngày 14 tháng 6 năm 2022
Bà Nguyễn Ngọc Mai	Thành viên	Bổ nhiệm ngày 25 tháng 4 năm 2024
Ông Phạm Văn Ngọc	Thành viên	Bổ nhiệm ngày 25 tháng 4 năm 2024

Ban Kiểm soát

Họ và tên	Chức vụ	Ngày bổ nhiệm/tái bổ nhiệm/miễn nhiệm
Bà Ngô Thu Trang	Trưởng ban	Bổ nhiệm ngày 25 tháng 4 năm 2025
Bà Nguyễn Thị Thu Hương	Trưởng ban	Miễn nhiệm ngày 25 tháng 4 năm 2025
Bà Lê Thị Thương	Thành viên	Bổ nhiệm ngày 25 tháng 4 năm 2025
Bà Phạm Thị Huệ	Thành viên	Tái bổ nhiệm ngày 14 tháng 6 năm 2022
Bà Phan Thị Hòa	Thành viên	Miễn nhiệm ngày 25 tháng 4 năm 2025

Ban Tổng Giám đốc, Kế toán trưởng

Họ và tên	Chức vụ	Ngày bổ nhiệm/miễn nhiệm
Bà Nguyễn Thị Thu Hương	Tổng Giám đốc	Bổ nhiệm ngày 01 tháng 5 năm 2025
Ông Nguyễn Văn Bản	Tổng Giám đốc	Miễn nhiệm ngày 01 tháng 5 năm 2025
Ông Nguyễn Trọng Đức	Phó Tổng Giám đốc	Bổ nhiệm ngày 01 tháng 12 năm 2020
Ông Subhash Kesavan Nair	Phó Tổng Giám đốc	Bổ nhiệm ngày 01 tháng 12 năm 2025
Bà Nguyễn Lâm Minh Thương	Giám đốc tài chính	Bổ nhiệm ngày 29 tháng 11 năm 2024
Bà Bùi Thị Mỹ Đăng	Kế toán trưởng	Bổ nhiệm ngày 29 tháng 11 năm 2024

Đại diện theo pháp luật

Người đại diện theo pháp luật của Công ty trong năm và cho đến thời điểm lập báo cáo này là Ông Nguyễn Văn Sang – Chủ tịch Hội đồng quản trị, Bà Nguyễn Thị Thu Hương (từ ngày 05 tháng 5 năm 2025) và Ông Nguyễn Văn Bản (đến ngày 04 tháng 5 năm 2025).

CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC PHẨM CỨU LONG

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC (tiếp theo)

Kiểm toán viên

Công ty TNHH Kiểm toán và Tư vấn A&C đã được chỉ định kiểm toán Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025 của Công ty.

Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm lập Báo cáo tài chính phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và lưu chuyển tiền tệ của Công ty trong năm. Trong việc lập Báo cáo tài chính này, Ban Tổng Giám đốc phải:

- Chọn lựa các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách này một cách nhất quán;
- Thực hiện các xét đoán và các ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các chuẩn mực kế toán áp dụng cho Công ty có được tuân thủ hay không và tất cả các sai lệch trọng yếu đã được trình bày và giải thích trong Báo cáo tài chính;
- Lập Báo cáo tài chính trên cơ sở hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng sẽ tiếp tục hoạt động liên tục;
- Thiết lập và thực hiện hệ thống kiểm soát nội bộ một cách hữu hiệu nhằm hạn chế rủi ro có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn trong việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.

Ban Tổng Giám đốc đảm bảo các số kế toán thích hợp được lưu giữ đầy đủ để phản ánh tình hình tài chính của Công ty với mức độ chính xác hợp lý tại bất kỳ thời điểm nào và các sổ sách kế toán tuân thủ chế độ kế toán áp dụng. Ban Tổng Giám đốc cũng chịu trách nhiệm bảo vệ an toàn tài sản của Công ty và do đó đã thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và các vi phạm khác.

Ban Tổng Giám đốc cam kết đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên trong việc lập Báo cáo tài chính.

Phê duyệt Báo cáo tài chính

Ban Tổng Giám đốc Công ty phê duyệt Báo cáo tài chính đính kèm. Báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Công ty tại thời điểm ngày 31 tháng 12 năm 2025, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.

Thay mặt Ban Tổng Giám đốc,

Tổng Giám đốc



Nguyễn Thị Thu Hương

Ngày 20 tháng 3 năm 2026

Ý kiến của Kiểm toán viên

Theo ý kiến của chúng tôi, Báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính của Công ty Cổ phần Dược phẩm Cửu Long tại ngày 31 tháng 12 năm 2025, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.

Công ty TNHH Kiểm toán và Tư vấn A&C Chi nhánh Hà Nội



Vũ Minh Khôi - Thành viên Ban Giám đốc
Số Giấy CNDKHN kiểm toán: 2897-2025-008-1
Người được ủy quyền
Hà Nội, ngày 20 tháng 3 năm 2026

Vũ Tuấn Nghĩa - Kiểm toán viên
Số Giấy CNDKHN kiểm toán: 4028-2022-008-1



CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN VÀ TƯ VẤN A&C CHI NHÁNH HÀ NỘI

CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC PHẨM CỬU LONG

Địa chỉ: Số 150 đường 14/9, phường Thanh Đức, tỉnh Vĩnh Long

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2025

Đơn vị tính: VND

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
A - TÀI SẢN NGẮN HẠN	100		958.891.852.416	1.003.694.854.689
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	110	V.1	15.826.461.143	20.055.639.453
1. Tiền	111		5.826.461.143	20.055.639.453
2. Các khoản tương đương tiền	112		10.000.000.000	-
II. Đầu tư tài chính ngắn hạn	120		124.000.000.000	109.000.000.000
1. Chứng khoán kinh doanh	121		-	-
2. Dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh	122		-	-
3. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	123	V.2	124.000.000.000	109.000.000.000
III. Các khoản phải thu ngắn hạn	130		460.828.763.849	506.260.867.868
1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	V.3	184.054.580.768	221.832.900.903
2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	132	V.4	30.199.636.814	64.827.890.218
3. Phải thu nội bộ ngắn hạn	133		-	-
4. Phải thu theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng	134		-	-
5. Phải thu về cho vay ngắn hạn	135		-	-
6. Phải thu ngắn hạn khác	136	V.5a	270.618.791.023	241.055.071.478
7. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	137	V.6	(24.044.244.756)	(21.454.994.731)
8. Tài sản thiếu chờ xử lý	139		-	-
IV. Hàng tồn kho	140		327.413.278.871	337.925.159.805
1. Hàng tồn kho	141	V.7	334.281.332.330	348.317.479.444
2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	149	V.7	(6.868.053.459)	(10.392.319.639)
V. Tài sản ngắn hạn khác	150		30.823.348.553	30.453.187.563
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151	V.8a	2.915.815.885	3.211.068.612
2. Thuế giá trị gia tăng được khấu trừ	152		24.013.618.356	26.090.226.559
3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	153	V.16	3.893.914.312	1.151.892.392
4. Giao dịch mua bán lại trái phiếu Chính phủ	154		-	-
5. Tài sản ngắn hạn khác	155		-	-

CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC PHẨM CỬU LONG

Địa chỉ: Số 150 đường 14/9, phường Thanh Đức, tỉnh Vĩnh Long

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025

Bảng cân đối kế toán (tiếp theo)

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
B - TÀI SẢN DÀI HẠN	200		1.182.431.337.012	1.184.415.507.581
I. Các khoản phải thu dài hạn	210		3.918.300.000	3.727.000.000
1. Phải thu dài hạn của khách hàng	211		-	-
2. Trả trước cho người bán dài hạn	212		-	-
3. Vốn kinh doanh ở đơn vị trực thuộc	213		-	-
4. Phải thu nội bộ dài hạn	214		-	-
5. Phải thu về cho vay dài hạn	215		-	-
6. Phải thu dài hạn khác	216	V.5b	3.918.300.000	3.727.000.000
7. Dự phòng phải thu dài hạn khó đòi	219		-	-
II. Tài sản cố định	220		579.231.745.298	425.784.152.778
1. Tài sản cố định hữu hình	221	V.9	398.942.899.842	408.551.013.002
<i>Nguyên giá</i>	222		892.732.883.067	920.184.368.855
<i>Giá trị hao mòn lũy kế</i>	223		(493.789.983.225)	(511.633.355.853)
2. Tài sản cố định thuê tài chính	224	V.10	177.029.622.222	13.519.539.364
<i>Nguyên giá</i>	225		188.308.100.558	22.876.854.258
<i>Giá trị hao mòn lũy kế</i>	226		(11.278.478.336)	(9.363.314.894)
3. Tài sản cố định vô hình	227	V.11	3.259.223.234	3.719.600.412
<i>Nguyên giá</i>	228		5.840.368.567	5.840.368.567
<i>Giá trị hao mòn lũy kế</i>	229		(2.581.145.333)	(2.120.768.155)
III. Bất động sản đầu tư	230		-	-
<i>Nguyên giá</i>	231		-	-
<i>Giá trị hao mòn lũy kế</i>	232		-	-
IV. Tài sản dở dang dài hạn	240	V.12	206.643.530.715	339.912.913.689
1. Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang dài hạn	241		-	-
2. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	242		206.643.530.715	339.912.913.689
V. Đầu tư tài chính dài hạn	250		375.043.367.343	400.730.000.000
1. Đầu tư vào công ty con	251	V.2	401.737.810.725	401.737.810.725
2. Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết	252		-	-
3. Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	253		-	-
4. Dự phòng đầu tư tài chính dài hạn	254	V.2	(26.694.443.382)	(1.007.810.725)
5. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	255		-	-
VI. Tài sản dài hạn khác	260		17.594.393.656	14.261.441.114
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	V.8b	14.488.044.788	12.212.528.087
2. Tài sản thuê thu nhập hoãn lại	262	V.13	3.106.348.868	2.048.913.027
3. Thiết bị, vật tư, phụ tùng thay thế dài hạn	263		-	-
4. Tài sản dài hạn khác	268		-	-
TỔNG CỘNG TÀI SẢN	270		2.141.323.189.428	2.188.110.362.270

CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC PHẨM CỬU LONG

Địa chỉ: Số 150 đường 14/9, phường Thanh Đức, tỉnh Vĩnh Long

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025

Bảng cân đối kế toán (tiếp theo)

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
C - NỢ PHẢI TRẢ	300		727.790.770.530	793.817.588.708
I. Nợ ngắn hạn	310		628.424.388.324	619.911.660.235
1. Phải trả người bán ngắn hạn	311	V.14	58.912.601.473	94.658.175.500
2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312	V.15	999.209.559	4.396.514.103
3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	V.16	7.492.945.343	10.240.975.243
4. Phải trả người lao động	314		10.685.344.116	15.354.735.361
5. Chi phí phải trả ngắn hạn	315	V.17	14.941.195.428	9.654.016.224
6. Phải trả nội bộ ngắn hạn	316		-	-
7. Phải trả theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng	317		-	-
8. Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn	318		-	-
9. Phải trả ngắn hạn khác	319	V.18	1.367.219.471	2.304.470.829
10. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	320	V.19a	531.678.723.304	479.873.723.014
11. Dự phòng phải trả ngắn hạn	321		-	-
12. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	322	V.20	2.347.149.630	3.429.049.961
13. Quỹ bình ổn giá	323		-	-
14. Giao dịch mua bán lại trái phiếu Chính phủ	324		-	-
II. Nợ dài hạn	330		99.366.382.206	173.905.928.473
1. Phải trả người bán dài hạn	331		-	-
2. Người mua trả tiền trước dài hạn	332		-	-
3. Chi phí phải trả dài hạn	333		-	-
4. Phải trả nội bộ về vốn kinh doanh	334		-	-
5. Phải trả nội bộ dài hạn	335		-	-
6. Doanh thu chưa thực hiện dài hạn	336		-	-
7. Phải trả dài hạn khác	337		-	-
8. Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	338	V.19b	99.366.382.206	173.905.928.473
9. Trái phiếu chuyển đổi	339		-	-
10. Cổ phiếu ưu đãi	340		-	-
11. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả	341		-	-
12. Dự phòng phải trả dài hạn	342		-	-
13. Quỹ phát triển khoa học và công nghệ	343		-	-

CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC PHẨM CỨU LONG

Địa chỉ: Số 150 đường 14/9, phường Thanh Đức, tỉnh Vĩnh Long

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025

Bảng cân đối kế toán (tiếp theo)

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
D - NGUỒN VỐN CHỦ SỞ HỮU	400	V.21	1.413.532.418.898	1.394.292.773.562
I. Vốn chủ sở hữu	410		1.413.532.418.898	1.394.292.773.562
1. Vốn góp của chủ sở hữu	411		730.410.300.000	730.410.300.000
- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411a		730.410.300.000	730.410.300.000
- Cổ phiếu ưu đãi	411b		-	-
2. Thặng dư vốn cổ phần	412		220.358.863.743	220.358.863.743
3. Quyền chọn chuyển đổi trái phiếu	413		-	-
4. Vốn khác của chủ sở hữu	414		-	-
5. Cổ phiếu quỹ	415		-	-
6. Chênh lệch đánh giá lại tài sản	416		-	-
7. Chênh lệch tỷ giá hối đoái	417		-	-
8. Quỹ đầu tư phát triển	418		-	-
9. Quỹ hỗ trợ sắp xếp doanh nghiệp	419		-	-
10. Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	420		-	-
11. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421		462.743.088.305	443.503.442.969
- LNST chưa phân phối lũy kế đến cuối kỳ trước	421a		441.503.442.969	443.503.442.969
- LNST chưa phân phối kỳ này	421b		21.239.645.336	-
12. Nguồn vốn đầu tư xây dựng cơ bản	422		20.166.850	20.166.850
II. Nguồn kinh phí và quỹ khác	430		-	-
1. Nguồn kinh phí	431		-	-
2. Nguồn kinh phí đã hình thành tài sản cố định	432		-	-
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN	440		2.141.323.189.428	2.188.110.362.270

Người lập biểu

Bùi Thị Mỹ Đăng

Kế toán trưởng

Bùi Thị Mỹ Đăng

Lập, ngày 20 tháng 3 năm 2026

Tổng Giám đốc



Nguyễn Thị Thu Hương

CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC PHẨM CỬU LONG

Địa chỉ: Số 150 đường 14/9, phường Thanh Đức, tỉnh Vĩnh Long

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Số tiền	
			Năm nay	Năm trước
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	VI.1	1.350.740.473.824	1.275.254.346.115
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02		34.989.053.946	18.211.747.306
3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	10		1.315.751.419.878	1.257.042.598.809
4. Giá vốn hàng bán	11	VI.2	1.147.570.198.465	1.104.997.240.482
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	20		168.181.221.413	152.045.358.327
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	VI.3	22.895.556.398	21.523.175.873
7. Chi phí tài chính	22	VI.4	65.648.035.899	25.509.039.687
Trong đó: chi phí lãi vay	23		39.690.805.309	25.386.683.521
8. Chi phí bán hàng	25	VI.5	50.625.968.106	53.607.650.636
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	VI.6	44.095.515.412	41.395.270.072
10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	30		30.707.258.394	53.056.573.805
11. Thu nhập khác	31		1.150.805.647	490.273.457
12. Chi phí khác	32	VI.7	4.179.109.410	382.792.036
13. Lợi nhuận khác	40		(3.028.303.763)	107.481.421
14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	50		27.678.954.631	53.164.055.226
15. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	51	V.16	7.496.745.136	10.119.489.723
16. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại	52	V.13	(1.057.435.841)	665.985.078
17. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	60		21.239.645.336	42.378.580.425
18. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	VI.8	-	-
19. Lãi suy giảm trên cổ phiếu	71	VI.8	-	-

Người lập biểu

Bùi Thị Mỹ Đăng

Kế toán trưởng

Bùi Thị Mỹ Đăng

Lập, ngày 20 tháng 3 năm 2026

Tổng Giám đốc



Nguyễn Thị Thu Hương

CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC PHẨM CỬU LONG

Địa chỉ: Số 150 đường 14/9, phường Thanh Đức, tỉnh Vĩnh Long

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ

(Theo phương pháp gián tiếp)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã Thuyết số minh	Đơn vị tính: VND	
		Năm nay	Năm trước
I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh			
1. Lợi nhuận trước thuế	01	27.678.954.631	53.164.055.226
2. Điều chỉnh cho các khoản:			
- Khấu hao tài sản cố định và bất động sản đầu tư	02 V.9,10,11	42.893.310.476	36.307.212.719
- Các khoản dự phòng	03	34.312.760.683	3.697.182.780
- Lãi, lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ	04 VI.4	(2.681.164)	15.900.063
- Lãi, lỗ từ hoạt động đầu tư	05	(6.046.029.066)	(5.588.948.821)
- Chi phí lãi vay	06 VI.4	39.690.805.309	25.386.683.521
- Các khoản điều chỉnh khác	07	-	-
3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động	08	138.527.120.869	112.982.085.488
- Tăng, giảm các khoản phải thu	09	3.137.491.387	25.256.723.334
- Tăng, giảm hàng tồn kho	10	4.475.002.933	18.457.920.280
- Tăng, giảm các khoản phải trả	11	(38.993.085.962)	(32.746.244.066)
- Tăng, giảm chi phí trả trước	12	(1.980.263.974)	(4.857.298.423)
- Tăng, giảm chứng khoán kinh doanh	13	-	-
- Tiền lãi vay đã trả	14	(39.626.170.041)	(25.437.479.793)
- Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	15 V.15	(10.131.979.512)	(12.885.786.899)
- Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	16	-	-
- Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	17 V.19	(3.081.900.331)	(2.715.275.492)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20	52.326.215.369	78.054.644.429
II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư			
1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác	21	(33.856.137.131)	(79.298.628.647)
2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác	22	10.063.228.913	-
3. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác	23	(124.000.000.000)	(109.000.000.000)
4. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác	24	109.000.000.000	109.354.000.000
5. Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	25	-	(22.000.000.000)
6. Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	26	-	-
7. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27	4.972.115.299	7.102.523.269
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30	(33.820.792.919)	(93.842.105.378)

CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC PHẨM CỬU LONG

Địa chỉ: Số 150 đường 14/9, phường Thanh Đức, tỉnh Vĩnh Long

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025

Báo cáo lưu chuyển tiền tệ (tiếp theo)

CHỈ TIÊU	Mã Thuyết		Năm nay	Năm trước
	số	minh		
III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính				
1. Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận vốn góp của chủ sở hữu	31	V.20	-	-
2. Tiền trả lại vốn góp cho các chủ sở hữu, mua lại cổ phiếu của doanh nghiệp đã phát hành	32		-	-
3. Tiền thu từ đi vay	33	V.18	1.149.309.458.714	1.096.413.781.780
4. Tiền trả nợ gốc vay	34	V.18	(1.146.025.013.744)	(1.050.000.707.269)
5. Tiền trả nợ gốc thuê tài chính	35		(26.018.990.947)	(23.363.397.265)
6. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36		-	-
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40		(22.734.545.977)	23.049.677.246
Lưu chuyển tiền thuần trong năm	50		(4.229.123.527)	7.262.216.297
Tiền và tương đương tiền đầu năm	60	V.1	20.055.639.453	12.785.326.350
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61		(54.783)	8.096.806
Tiền và tương đương tiền cuối năm	70	V.1	15.826.461.143	20.055.639.453

Người lập biểu

Bùi Thị Mỹ Đăng

Kế toán trưởng

Bùi Thị Mỹ Đăng

Lập, ngày 20 tháng 3 năm 2026

Tổng Giám đốc



Nguyễn Thị Thu Hương

CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC PHẨM CỬU LONG

Địa chỉ: Số 150 đường 14/9, phường 5, thành phố Vĩnh Long, tỉnh Vĩnh Long

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025

I. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG

1. Hình thức sở hữu vốn

Công ty Cổ phần Dược phẩm Cửu Long (sau đây gọi tắt là “Công ty”) là công ty cổ phần.

2. Lĩnh vực kinh doanh

Lĩnh vực kinh doanh của Công ty là sản xuất thuốc, hóa chất và dược liệu.

3. Ngành nghề kinh doanh

Hoạt động kinh doanh chính của Công ty là: Sản xuất thuốc, hóa chất và dược liệu.

4. Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường

Chu kỳ sản xuất kinh doanh thông thường của Công ty không quá 12 tháng.

5. Cấu trúc Công ty

Các Công ty con

Tên công ty	Địa chỉ trụ sở chính	Hoạt động kinh doanh chính	Tỷ lệ vốn góp	Tỷ lệ lợi ích	Tỷ lệ quyền biểu quyết
Công ty liên doanh Sản xuất kinh doanh XNK Dược phẩm và Trang thiết bị y tế	Số 11, đường Lanexang, bản Hatsady, quận Chanthabory, Lào	Giới thiệu thuốc	51%	51%	51%
Công ty TNHH MTV Dược phẩm VPC Sài Gòn	Số 150 đường 14/9, phường Thanh Đức, tỉnh Vĩnh Long	Kinh doanh dược phẩm và dụng cụ y tế	100%	100%	100%
Công ty Cổ phần Dược phẩm Benovas	Số 276 Nguyễn Đình Chiểu, phường Xuân Hòa, thành phố Hồ Chí Minh	Kinh doanh dược phẩm, capsule các loại	99,98%	99,98%	99,98%
Công ty Cổ phần Thiết bị Y tế Benovas ⁽ⁱ⁾	Số 68Đ Tổ 05 Ấp Thanh Mỹ 1, phường Thanh Đức, tỉnh Vĩnh Long	Sản xuất kinh doanh dụng cụ, trang thiết bị y tế	84,2%	100%	100%
Công ty Cổ phần Thuốc ung thư Benovas ⁽ⁱⁱ⁾	Tầng 5, tòa nhà HACCI Complex tại lô 2.6, No đường Lê Văn Lương, phường Yên Hòa, thành phố Hà Nội	Sản xuất thuốc, hóa liệu và dược liệu	55%	84%	84%

(i) Tỷ lệ vốn góp của Công ty, Công ty TNHH MTV Dược phẩm VPC Sài Gòn và Công ty Cổ phần Dược phẩm Benovas vào Công ty Cổ phần Thiết bị Y tế Benovas lần lượt là 84,2%, 15,6% và 0,2%; do đó, tỷ lệ lợi ích và tỷ lệ quyền biểu quyết của Công ty tại Công ty Cổ phần Thiết bị Y tế Benovas là 100%.

(ii) Tỷ lệ vốn góp của Công ty và Công ty TNHH MTV Dược phẩm VPC Sài Gòn vào Công ty Cổ phần Thuốc ung thư Benovas lần lượt là 55% và 29%; do đó, tỷ lệ lợi ích và tỷ lệ quyền biểu quyết của Công ty tại Công ty Cổ phần Thuốc ung thư Benovas là 84%.

CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC PHẨM CỬU LONG

Địa chỉ: Số 150 đường 14/9, phường Thanh Đức, tỉnh Vĩnh Long

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

6. Tuyên bố về khả năng so sánh thông tin trên Báo cáo tài chính

Các số liệu tương ứng của năm trước so sánh được với số liệu của năm nay.

7. Nhân viên

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2025, Công ty có 673 nhân viên (Tại ngày 01 tháng 01 năm 2025: 812 nhân viên).

II. NĂM TÀI CHÍNH, ĐƠN VỊ TIỀN TỆ SỬ DỤNG TRONG KẾ TOÁN

1. Năm tài chính

Năm tài chính của Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12 hàng năm.

2. Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán là Đồng Việt Nam (VND) do phần lớn các nghiệp vụ được thực hiện bằng đơn vị tiền tệ VND.

III. CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG

1. Chế độ kế toán áp dụng

Công ty áp dụng các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam được ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014, Thông tư 53/2016/TT-BTC ngày 21 tháng 3 năm 2016 và các thông tư hướng dẫn thực hiện chuẩn mực kế toán của Bộ Tài chính trong việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.

2. Tuyên bố về việc tuân thủ chuẩn mực kế toán và chế độ kế toán

Ban Tổng Giám đốc đảm bảo đã tuân thủ yêu cầu của các chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam được ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014, Thông tư 53/2016/TT-BTC ngày 21 tháng 3 năm 2016 cũng như các thông tư hướng dẫn thực hiện chuẩn mực kế toán của Bộ Tài chính trong việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.

Ngày 27 tháng 10 năm 2025, Bộ Tài chính đã ban hành Thông tư số 99/2025/TT-BTC ("Thông tư 99") hướng dẫn Chế độ kế toán doanh nghiệp thay thế cho Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính về hướng dẫn chế độ kế toán doanh nghiệp ("Thông tư 200") và các Thông tư số 75/2015/TT-BTC ngày 18 tháng 5 năm 2015, Thông tư số 53/2016/TT-BTC ngày 21 tháng 3 năm 2016 của Bộ Tài chính về sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư 200. Các quy định của Thông tư 99 được áp dụng cho việc ghi sổ, lập và trình bày Báo cáo tài chính cho năm tài chính bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 năm 2026.

IV. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG

1. Cơ sở lập Báo cáo tài chính

Báo cáo tài chính được lập trên cơ sở kế toán dồn tích (trừ các thông tin liên quan đến các luồng tiền).

2. Các giao dịch bằng ngoại tệ

Các giao dịch phát sinh bằng ngoại tệ được chuyển đổi theo tỷ giá tại ngày phát sinh giao dịch. Số dư các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại ngày kết thúc năm tài chính được quy đổi theo tỷ giá tại ngày này.

CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC PHẨM CỬU LONG

Địa chỉ: Số 150 đường 14/9, phường Thanh Đức, tỉnh Vĩnh Long

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

Chênh lệch tỷ giá phát sinh trong năm từ các giao dịch bằng ngoại tệ được ghi nhận vào doanh thu hoạt động tài chính hoặc chi phí tài chính. Chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại ngày kết thúc năm tài chính sau khi bù trừ chênh lệch tăng và chênh lệch giảm được ghi nhận vào doanh thu hoạt động tài chính hoặc chi phí tài chính.

Tỷ giá sử dụng để quy đổi các giao dịch phát sinh bằng ngoại tệ là tỷ giá giao dịch thực tế tại thời điểm phát sinh giao dịch. Tỷ giá giao dịch thực tế đối với các giao dịch bằng ngoại tệ được xác định như sau:

- Đối với hợp đồng mua bán ngoại tệ (hợp đồng mua bán ngoại tệ giao ngay, hợp đồng kỳ hạn, hợp đồng tương lai, hợp đồng quyền chọn, hợp đồng hoán đổi): tỷ giá ký kết trong hợp đồng mua, bán ngoại tệ giữa Công ty và ngân hàng.
- Đối với nợ phải thu: tỷ giá mua ngoại tệ của ngân hàng thương mại nơi Công ty chỉ định khách hàng thanh toán tại thời điểm giao dịch phát sinh.
- Đối với nợ phải trả: tỷ giá bán ngoại tệ của ngân hàng thương mại nơi Công ty dự kiến giao dịch tại thời điểm giao dịch phát sinh.
- Đối với các giao dịch mua sắm tài sản hoặc các khoản chi phí được thanh toán ngay bằng ngoại tệ (không qua các tài khoản phải trả): tỷ giá mua ngoại tệ của ngân hàng thương mại nơi Công ty thực hiện thanh toán.

Tỷ giá sử dụng để đánh giá lại số dư các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại ngày kết thúc năm tài chính được xác định theo nguyên tắc sau:

- Đối với các khoản ngoại tệ gửi ngân hàng: tỷ giá mua ngoại tệ của ngân hàng nơi Công ty mở tài khoản ngoại tệ.

3. Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền bao gồm tiền mặt và tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn. Các khoản tương đương tiền là các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn thu hồi không quá 3 tháng kể từ ngày đầu tư, có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành một lượng tiền xác định và không có rủi ro trong việc chuyển đổi thành tiền tại thời điểm báo cáo.

4. Các khoản đầu tư tài chính

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

Khoản đầu tư được phân loại là nắm giữ đến ngày đáo hạn khi Công ty có ý định và khả năng giữ đến ngày đáo hạn. Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn của Công ty chỉ bao gồm các khoản tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn. Thu nhập lãi từ các khoản tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn được ghi nhận trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trên cơ sở dự thu.

Các khoản đầu tư vào công ty con

Công ty con là doanh nghiệp chịu sự kiểm soát của Công ty. Việc kiểm soát đạt được khi Công ty có khả năng kiểm soát các chính sách tài chính và hoạt động của doanh nghiệp nhận đầu tư nhằm thu được lợi ích kinh tế từ các hoạt động của doanh nghiệp đó.

Ghi nhận ban đầu

Các khoản đầu tư vào công ty con được ghi nhận ban đầu theo giá gốc, bao gồm giá mua hoặc khoản góp vốn cộng các chi phí liên quan trực tiếp đến việc đầu tư. Trường hợp đầu tư bằng tài sản phi tiền tệ, giá trị khoản đầu tư được ghi nhận theo giá trị hợp lý của tài sản phi tiền tệ tại thời điểm phát sinh.

Cổ tức và lợi nhuận của các năm trước khi khoản đầu tư được mua được hạch toán giảm giá trị của chính khoản đầu tư đó. Cổ tức và lợi nhuận của các năm sau khi khoản đầu tư được mua được ghi nhận doanh thu tài chính. Cổ tức được nhận bằng cổ phiếu chỉ được theo dõi số lượng cổ phiếu tăng thêm, không ghi nhận giá trị cổ phiếu nhận được.

CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC PHẨM CỬU LONG

Địa chỉ: Số 150 đường 14/9, phường Thanh Đức, tỉnh Vĩnh Long

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

Dự phòng tổn thất cho các khoản đầu tư vào công ty con

Dự phòng tổn thất cho các khoản đầu tư vào công ty con được trích lập khi công ty con bị lỗ với mức trích lập bằng chênh lệch giữa vốn góp thực tế của các bên tại công ty con và vốn chủ sở hữu thực có nhân với tỷ lệ góp vốn của Công ty so với tổng số vốn góp thực tế của các bên tại công ty con. Nếu công ty con là đối tượng lập Báo cáo tài chính hợp nhất thì căn cứ để xác định dự phòng tổn thất là Báo cáo tài chính hợp nhất.

Tăng, giảm số dự phòng tổn thất đầu tư vào công ty con cần phải trích lập tại ngày kết thúc năm tài chính được ghi nhận vào chi phí tài chính.

5. Các khoản phải thu

Các khoản nợ phải thu được trình bày theo giá trị ghi sổ trừ đi các khoản dự phòng phải thu khó đòi.

Việc phân loại các khoản phải thu là phải thu khách hàng và phải thu khác được thực hiện theo nguyên tắc sau:

- Phải thu của khách hàng phản ánh các khoản phải thu mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch có tính chất mua – bán giữa Công ty và người mua là đơn vị độc lập với Công ty.
- Phải thu khác phản ánh các khoản phải thu không có tính thương mại, không liên quan đến giao dịch mua – bán.

Dự phòng phải thu khó đòi được lập cho từng khoản nợ phải thu khó sau khi đã bù trừ với khoản nợ phải trả (nếu có). Mức trích lập căn cứ vào tuổi nợ quá hạn của các khoản nợ hoặc dự kiến mức tổn thất có thể xảy ra, cụ thể như sau:

- Đối với nợ phải thu quá hạn thanh toán:
 - 30% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ 6 tháng đến dưới 1 năm.
 - 50% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ 1 năm đến dưới 2 năm.
 - 70% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ 2 năm đến dưới 3 năm.
 - 100% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ 3 năm trở lên.
- Đối với nợ phải thu chưa quá hạn thanh toán nhưng khó có khả năng thu hồi: căn cứ vào dự kiến mức tổn thất để lập dự phòng.

Tăng, giảm số dự phòng nợ phải thu khó đòi cần phải trích lập tại ngày kết thúc năm tài chính được ghi nhận vào chi phí quản lý doanh nghiệp.

6. Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được ghi nhận theo giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được.

Giá gốc hàng tồn kho được xác định như sau:

- Nguyên vật liệu, hàng hóa: bao gồm chi phí mua và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại.
- Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang: bao gồm chi phí nguyên vật liệu chính, chi phí nhân công và các chi phí có liên quan trực tiếp khác.
- Thành phẩm: bao gồm chi phí nguyên vật liệu, nhân công trực tiếp và chi phí sản xuất chung có liên quan trực tiếp được phân bổ dựa trên mức độ hoạt động bình thường.

Giá xuất kho được tính theo phương pháp nhập trước, xuất trước và được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên.

Giá trị thuần có thể thực hiện được là giá bán ước tính của hàng tồn kho trong kỳ sản xuất, kinh doanh bình thường trừ chi phí ước tính để hoàn thành và chi phí ước tính cần thiết cho việc tiêu thụ chúng.

CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC PHẨM CỬU LONG

Địa chỉ: Số 150 đường 14/9, phường Thanh Đức, tỉnh Vĩnh Long

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được lập cho từng mặt hàng tồn kho có giá gốc lớn hơn giá trị thuần có thể thực hiện được. Tăng, giảm số dư dự phòng giảm giá hàng tồn kho cần phải trích lập tại ngày kết thúc năm tài chính được ghi nhận vào giá vốn hàng bán.

7. Chi phí trả trước

Chi phí trả trước bao gồm các chi phí thực tế đã phát sinh nhưng có liên quan đến kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của nhiều năm tài chính. Chi phí trả trước của Công ty chủ yếu là công cụ, dụng cụ, chi phí bảo hiểm, chi phí khác. Các chi phí trả trước này được phân bổ trong khoảng thời gian trả trước hoặc thời gian các lợi ích kinh tế tương ứng được tạo ra từ các chi phí này.

8. Tài sản cố định hữu hình

Tài sản cố định hữu hình được thể hiện theo nguyên giá trừ hao mòn lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm toàn bộ các chi phí mà Công ty phải bỏ ra để có được tài sản cố định tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Các chi phí phát sinh sau ghi nhận ban đầu chỉ được ghi tăng nguyên giá tài sản cố định nếu các chi phí này chắc chắn làm tăng lợi ích kinh tế trong tương lai do sử dụng tài sản đó. Các chi phí phát sinh không thỏa mãn điều kiện trên được ghi nhận là chi phí sản xuất, kinh doanh trong năm.

Khi tài sản cố định hữu hình được bán hay thanh lý, nguyên giá và giá trị hao mòn lũy kế được xóa sổ và lãi, lỗ phát sinh do thanh lý được ghi nhận vào thu nhập hay chi phí trong năm.

Tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính. Số năm khấu hao của các loại tài sản cố định hữu hình như sau:

<u>Loại tài sản cố định</u>	<u>Số năm</u>
Nhà cửa, vật kiến trúc	06 - 40
Máy móc và thiết bị	02 - 25
Phương tiện vận tải, truyền dẫn	06 - 10
Thiết bị, dụng cụ quản lý	03 - 05

9. Tài sản cố định thuê tài chính

Thuê tài sản được phân loại là thuê tài chính nếu phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu tài sản thuộc về người đi thuê.

Tài sản cố định thuê tài chính được thể hiện theo nguyên giá trừ hao mòn lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định thuê tài chính là giá thấp hơn giữa giá trị hợp lý của tài sản thuê tại thời điểm khởi đầu của hợp đồng thuê và giá trị hiện tại của khoản thanh toán tiền thuê tối thiểu. Tỷ lệ chiết khấu để tính giá trị hiện tại của khoản thanh toán tiền thuê tối thiểu cho việc thuê tài sản là lãi suất ngầm định trong hợp đồng thuê tài sản hoặc lãi suất ghi trong hợp đồng. Trong trường hợp không thể xác định được lãi suất ngầm định trong hợp đồng thuê thì sử dụng lãi suất tiền vay tại thời điểm khởi đầu việc thuê tài sản.

Tài sản cố định thuê tài chính được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính. Trong trường hợp không chắc chắn Công ty sẽ có quyền sở hữu tài sản khi hết hạn hợp đồng thuê thì tài sản cố định sẽ được khấu hao theo thời gian ngắn hơn giữa thời gian thuê và thời gian hữu dụng ước tính. Tài sản cố định thuê tài chính là máy móc thiết bị có thời gian khấu hao là 5 năm.

CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC PHẨM CỬU LONG

Địa chỉ: Số 150 đường 14/9, phường Thanh Đức, tỉnh Vĩnh Long

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

10. Tài sản cố định vô hình

Tài sản cố định vô hình được thể hiện theo nguyên giá trừ hao mòn lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định vô hình bao gồm toàn bộ các chi phí mà Công ty phải bỏ ra để có được tài sản cố định tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Chi phí liên quan đến tài sản cố định vô hình phát sinh sau khi ghi nhận ban đầu được ghi nhận là chi phí sản xuất, kinh doanh trong năm trừ khi các chi phí này gắn liền với một tài sản cố định vô hình cụ thể và làm tăng lợi ích kinh tế từ các tài sản này.

Khi tài sản cố định vô hình được bán hay thanh lý, nguyên giá và giá trị hao mòn lũy kế được xóa sổ và lãi, lỗ phát sinh do thanh lý được ghi nhận vào thu nhập hay chi phí trong năm.

Tài sản cố định vô hình của Công ty bao gồm:

Quyền sử dụng đất

Quyền sử dụng đất là toàn bộ các chi phí thực tế Công ty đã chi ra có liên quan trực tiếp tới đất sử dụng, bao gồm: tiền chi ra để có quyền sử dụng đất, chi phí cho đền bù, giải phóng mặt bằng, san lấp mặt bằng, lệ phí trước bạ... Quyền sử dụng đất không xác định thời hạn không được tính khấu hao.

Chương trình phần mềm máy tính

Chi phí liên quan đến các chương trình phần mềm máy tính không phải là một bộ phận gắn kết với phần cứng có liên quan được vốn hóa. Nguyên giá của phần mềm máy tính là toàn bộ các chi phí mà Công ty đã chi ra tính đến thời điểm đưa phần mềm vào sử dụng. Phần mềm máy tính được khấu hao theo phương pháp đường thẳng trong 7 - 10 năm.

Bản sắc thương hiệu

Bản sắc thương hiệu được khấu hao theo phương pháp đường thẳng trong 20 năm.

11. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

Chi phí xây dựng cơ bản dở dang phản ánh các chi phí liên quan trực tiếp (bao gồm cả chi phí lãi vay có liên quan phù hợp với chính sách kế toán của Nhóm Công ty) đến các tài sản đang trong quá trình xây dựng, máy móc thiết bị đang lắp đặt để phục vụ cho mục đích sản xuất, cho thuê và quản lý cũng như chi phí liên quan đến việc sửa chữa tài sản cố định đang thực hiện. Các tài sản này được ghi nhận theo giá gốc và không được tính khấu hao.

12. Các khoản nợ phải trả và chi phí phải trả

Các khoản nợ phải trả và chi phí phải trả được ghi nhận cho số tiền phải trả trong tương lai liên quan đến hàng hóa và dịch vụ đã nhận được. Chi phí phải trả được ghi nhận dựa trên các ước tính hợp lý về số tiền phải trả.

Việc phân loại các khoản phải trả là phải trả người bán, chi phí phải trả và phải trả khác được thực hiện theo nguyên tắc sau:

- Phải trả người bán phản ánh các khoản phải trả mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch mua hàng hóa, dịch vụ, tài sản và người bán là đơn vị độc lập với Công ty.
- Chi phí phải trả phản ánh các khoản phải trả cho hàng hóa, dịch vụ đã nhận được từ người bán hoặc đã cung cấp cho người mua nhưng chưa chi trả do chưa có hóa đơn hoặc chưa đủ hồ sơ, tài liệu kế toán và các khoản phải trả cho người lao động về tiền lương nghỉ phép, các khoản chi phí sản xuất, kinh doanh phải trích trước.
- Phải trả khác phản ánh các khoản phải trả không có tính thương mại, không liên quan đến giao dịch mua, bán, cung cấp hàng hóa dịch vụ.

CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC PHẨM CỬU LONG

Địa chỉ: Số 150 đường 14/9, phường Thanh Đức, tỉnh Vĩnh Long

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

Các khoản nợ phải trả và chi phí phải trả được phân loại ngắn hạn và dài hạn trên Bảng cân đối kế toán căn cứ theo kỳ hạn còn lại tại ngày kết thúc năm tài chính.

13. **Vốn chủ sở hữu**

Vốn góp của chủ sở hữu

Vốn góp của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực tế đã góp của các cổ đông.

Thặng dư vốn cổ phần

Thặng dư vốn cổ phần được ghi nhận theo số chênh lệch giữa giá phát hành và mệnh giá cổ phiếu khi phát hành lần đầu hoặc phát hành bổ sung, chênh lệch giữa giá tái phát hành và giá trị sổ sách của cổ phiếu quỹ và cấu phần vốn của trái phiếu chuyển đổi khi đáo hạn. Chi phí trực tiếp liên quan đến việc phát hành bổ sung cổ phiếu và tái phát hành cổ phiếu quỹ được ghi giảm thặng dư vốn cổ phần.

14. **Phân phối lợi nhuận**

Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp được phân phối cho các cổ đông sau khi đã trích lập các quỹ theo Điều lệ của Công ty cũng như các quy định của pháp luật và đã được Đại hội đồng cổ đông phê duyệt.

Việc phân phối lợi nhuận cho các cổ đông được cân nhắc đến các khoản mục phi tiền tệ nằm trong lợi nhuận sau thuế chưa phân phối có thể ảnh hưởng đến luồng tiền và khả năng chi trả cổ tức như lãi do đánh giá lại tài sản mang đi góp vốn, lãi do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ, các công cụ tài chính và các khoản mục phi tiền tệ khác.

Cổ tức được ghi nhận là nợ phải trả khi được Đại hội đồng cổ đông phê duyệt.

15. **Ghi nhận doanh thu và thu nhập**

Doanh thu bán hàng hóa, thành phẩm

Doanh thu bán hàng hóa, thành phẩm được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn các điều kiện sau:

- Công ty đã chuyển giao phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu hàng hóa, sản phẩm cho người mua.
- Công ty không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa, sản phẩm hoặc quyền kiểm soát hàng hóa, sản phẩm.
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn. Khi hợp đồng quy định người mua được quyền trả lại hàng hóa, sản phẩm đã mua theo những điều kiện cụ thể, doanh thu chỉ được ghi nhận khi những điều kiện cụ thể đó không còn tồn tại và người mua không được quyền trả lại hàng hóa (trừ trường hợp khách hàng có quyền trả lại hàng hóa dưới hình thức đổi lại để lấy hàng hóa, sản phẩm, dịch vụ khác).
- Công ty đã hoặc sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng.
- Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

Tiền lãi

Tiền lãi được ghi nhận trên cơ sở thời gian và lãi suất thực tế từng năm.

Cổ tức và lợi nhuận được chia

Cổ tức và lợi nhuận được chia được ghi nhận khi Công ty được quyền nhận cổ tức hoặc lợi nhuận từ việc góp vốn. Cổ tức được nhận bằng cổ phiếu chỉ được theo dõi số lượng cổ phiếu tăng thêm, không ghi nhận giá trị cổ phiếu nhận được.

CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC PHẨM CỨU LONG

Địa chỉ: Số 150 đường 14/9, phường Thanh Đức, tỉnh Vĩnh Long

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

16. Chi phí đi vay

Chi phí đi vay bao gồm lãi tiền vay và các chi phí khác phát sinh liên quan trực tiếp đến các khoản vay.

Chi phí đi vay được ghi nhận vào chi phí khi phát sinh. Trường hợp chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang cần có một thời gian đủ dài (trên 12 tháng) để có thể đưa vào sử dụng theo mục đích định trước hoặc bán thì chi phí đi vay này được tính vào giá trị của tài sản đó. Đối với khoản vay riêng phục vụ việc xây dựng tài sản cố định, bất động sản đầu tư, lãi vay được vốn hóa kể cả khi thời gian xây dựng dưới 12 tháng. Các khoản thu nhập phát sinh từ việc đầu tư tạm thời các khoản vay được ghi giảm nguyên giá tài sản có liên quan.

17. Các khoản chi phí

Chi phí là những khoản làm giảm lợi ích kinh tế được ghi nhận tại thời điểm giao dịch phát sinh hoặc khi có khả năng tương đối chắc chắn sẽ phát sinh trong tương lai không phân biệt đã chi tiền hay chưa.

Các khoản chi phí và khoản doanh thu do nó tạo ra phải được ghi nhận đồng thời theo nguyên tắc phù hợp. Trong trường hợp nguyên tắc phù hợp xung đột với nguyên tắc thận trọng, chi phí được ghi nhận căn cứ vào bản chất và quy định của các chuẩn mực kế toán để đảm bảo phản ánh giao dịch một cách trung thực, hợp lý.

18. Thuế thu nhập doanh nghiệp

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp bao gồm thuế thu nhập hiện hành và thuế thu nhập hoãn lại.

Thuế thu nhập hiện hành

Thuế thu nhập hiện hành là khoản thuế được tính dựa trên thu nhập tính thuế. Thu nhập tính thuế chênh lệch so với lợi nhuận kế toán là do điều chỉnh các khoản chênh lệch tạm thời giữa thuế và kế toán, các chi phí không được trừ cũng như điều chỉnh các khoản thu nhập không phải chịu thuế và các khoản lỗ được chuyển.

Thuế thu nhập hoãn lại

Thuế thu nhập hoãn lại là khoản thuế thu nhập doanh nghiệp sẽ phải nộp hoặc sẽ được hoàn lại do chênh lệch tạm thời giữa giá trị ghi sổ của tài sản và nợ phải trả cho mục đích lập Báo cáo tài chính tổng hợp và cơ sở tính thuế thu nhập. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời chịu thuế. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận khi chắc chắn trong tương lai sẽ có lợi nhuận tính thuế để sử dụng những chênh lệch tạm thời được khấu trừ này.

Giá trị ghi sổ của tài sản thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại được xem xét lại vào ngày kết thúc năm tài chính và sẽ được ghi giảm đến mức đảm bảo chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế cho phép lợi ích của một phần hoặc toàn bộ tài sản thuế thu nhập hoãn lại được sử dụng. Các tài sản thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại chưa được ghi nhận trước đây được xem xét lại vào ngày kết thúc năm tài chính và được ghi nhận khi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế để có thể sử dụng các tài sản thuế thu nhập hoãn lại chưa ghi nhận này.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả được xác định theo thuế suất dự tính sẽ áp dụng cho năm tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán dựa trên các mức thuế suất có hiệu lực tại ngày kết thúc năm tài chính. Thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh và chỉ ghi trực tiếp vào vốn chủ sở hữu khi khoản thuế đó liên quan đến các khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu.

CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC PHẨM CỨU LONG

Địa chỉ: Số 150 đường 14/9, phường Thanh Đức, tỉnh Vĩnh Long

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả được bù trừ khi:

- Công ty có quyền hợp pháp được bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp;
- Các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả này liên quan đến thuế thu nhập doanh nghiệp được quản lý bởi cùng một cơ quan thuế:
 - Đối với cùng một đơn vị chịu thuế; hoặc
 - Công ty dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành phải trả và tài sản thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuần hoặc thu hồi tài sản đồng thời với việc thanh toán nợ phải trả trong từng năm tương lai khi các khoản trọng yếu của thuế thu nhập hoãn lại phải trả hoặc tài sản thuế thu nhập hoãn lại được thanh toán hoặc thu hồi.

19. Bên liên quan

Các bên được coi là liên quan nếu một bên có khả năng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra quyết định các chính sách tài chính và hoạt động. Các bên cũng được xem là bên liên quan nếu cùng chịu sự kiểm soát chung hay chịu ảnh hưởng đáng kể chung.

Trong việc xem xét mối quan hệ của các bên liên quan, bản chất của mối quan hệ được chú trọng nhiều hơn hình thức pháp lý.

20. Báo cáo theo bộ phận

Bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh là một phần có thể xác định riêng biệt tham gia vào quá trình sản xuất hoặc cung cấp sản phẩm, dịch vụ và có rủi ro và lợi ích kinh tế khác với các bộ phận kinh doanh khác.

Bộ phận theo khu vực địa lý là một phần có thể xác định riêng biệt tham gia vào quá trình sản xuất hoặc cung cấp sản phẩm, dịch vụ trong phạm vi một môi trường kinh tế cụ thể và có rủi ro và lợi ích kinh tế khác với các bộ phận kinh doanh trong các môi trường kinh tế khác.

Thông tin bộ phận được lập và trình bày phù hợp với chính sách kế toán áp dụng cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính của Công ty.

V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

1. Tiền và các khoản tương đương tiền

	Số cuối năm	Số đầu năm
Tiền mặt	779.234	51.027.103
Tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn	5.825.681.909	20.004.612.350
Các khoản tương đương tiền (<i>Tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn gốc không quá 3 tháng</i>)	10.000.000.000	-
Cộng	15.826.461.143	20.055.639.453

2. Các khoản đầu tư tài chính

2a. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn (ngắn hạn)

	Số cuối năm	Số đầu năm
Tiền gửi có kỳ hạn ⁽ⁱ⁾	124.000.000.000	109.000.000.000

- ⁽ⁱ⁾ Các hợp đồng tiền gửi có kỳ hạn 12 tháng tại các Ngân hàng thương mại, với lãi suất từ 4,3% đến 6%/năm, có giá trị ghi sổ bằng giá gốc.

Toàn bộ các hợp đồng tiền gửi có kỳ hạn đang được cầm cố thế chấp đảm bảo cho nghĩa vụ vay ngân hàng (xem thuyết minh V.19).

CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC PHẨM CỬU LONG

Địa chỉ: Số 150 đường 14/9, phường Thanh Đức, tỉnh Vĩnh Long

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

2b. Đầu tư vào công ty con

	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
Công ty Liên doanh Sản xuất kinh doanh, Xuất nhập khẩu Dược phẩm và Trang thiết bị Y tế	1.007.810.725	(1.007.810.725)	1.007.810.725	(1.007.810.725)
Công ty TNHH MTV Dược phẩm VPC Sài Gòn	163.000.000.000	-	163.000.000.000	-
Công ty Cổ phần Dược phẩm Benovas	79.980.000.000	-	79.980.000.000	-
Công ty Cổ phần Thiết bị Y tế Benovas	102.750.000.000	(25.686.632.657)	102.750.000.000	-
Công ty Cổ phần Thuốc Ung thư Benovas	55.000.000.000	-	55.000.000.000	-
Cộng	401.737.810.725	(26.694.443.382)	401.737.810.725	(1.007.810.725)

Số lượng cổ phần và tỷ lệ sở hữu của Công ty tại các công ty con như sau:

	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Số lượng cổ phần	Tỷ lệ sở hữu	Số lượng cổ phần	Tỷ lệ sở hữu
Công ty Liên doanh Sản xuất kinh doanh, Xuất nhập khẩu Dược phẩm và Trang thiết bị Y tế		51,00%		51,00%
Công ty TNHH MTV Dược phẩm VPC Sài Gòn		100,00%		100,00%
Công ty Cổ phần Dược phẩm Benovas	7.998.000	99,98%	7.998.000	99,98%
Công ty Cổ phần Thiết bị Y tế Benovas	10.275.000	84,20%	10.275.000	84,20%
Công ty Cổ phần Thuốc Ung thư Benovas	5.500.000	55,00%	5.500.000	55,00%

Giá trị hợp lý

Công ty chưa xác định giá trị hợp lý của các khoản đầu tư không niêm yết do chưa có hướng dẫn cụ thể về việc xác định giá trị hợp lý.

Tình hình hoạt động của các công ty con

- Công ty Liên doanh Sản xuất kinh doanh, Xuất nhập khẩu Dược phẩm và Trang thiết bị Y tế đang tạm ngưng hoạt động từ năm 2013.
- Công ty TNHH MTV Dược phẩm VPC Sài Gòn, Công ty Cổ phần Thuốc Ung thư Benovas không phát sinh doanh thu trong năm. Hoạt động chính trong năm là đầu tư tài chính, bao gồm đầu tư cổ phiếu các công ty chưa niêm yết, góp vốn, hợp đồng hợp tác đầu tư.
- Công ty Cổ phần Dược phẩm Benovas đang hoạt động kinh doanh bình thường, không có thay đổi lớn so với năm trước.
- Công ty Cổ phần Thiết bị Y tế Benovas đã bắt đầu hoạt động (Năm trước đang trong giai đoạn đầu tư xây dựng nhà xưởng).

Dự phòng cho các khoản đầu tư góp vốn vào đơn vị khác

Tình hình biến động dự phòng đầu tư góp vốn vào đơn vị khác như sau:

	Năm nay	Năm trước
Số đầu năm	1.007.810.725	1.007.810.725
Trích lập dự phòng bổ sung	25.686.632.657	-
Số cuối năm	26.694.443.382	1.007.810.725

Giao dịch với các công ty con

Xem thuyết minh VII.1.

CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC PHẨM CỬU LONG

Địa chỉ: Số 150 đường 14/9, phường Thanh Đức, tỉnh Vĩnh Long

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

3. Phải thu ngắn hạn của khách hàng

	Số cuối năm	Số đầu năm
<i>Phải thu các bên liên quan</i>	47.439.721.561	955.784.763
Công ty Cổ phần Dược phẩm Benovas	40.741.496.524	955.784.763
Công ty Cổ phần Thiết bị Y tế Benovas	6.698.225.037	-
<i>Phải thu các khách hàng khác</i>	136.614.859.207	220.877.116.140
Cộng	184.054.580.768	221.832.900.903

4. Trả trước cho người bán ngắn hạn

	Số cuối năm	Số đầu năm
<i>Trả trước cho các bên liên quan</i>	168.609	-
Công ty Cổ phần Thiết bị Y tế Benovas	168.609	-
<i>Trả trước cho người bán khác</i>	30.199.468.205	64.827.890.218
Công ty TNHH Cơ nhiệt Điện lạnh Bách Khoa	-	32.994.813.450
Công ty Nitta Gelatin Inc	-	2.392.018.000
Trenwell services LLC	12.066.253.779	16.339.862.500
Inotek Technologies Private Limited	3.907.360.961	-
Các nhà cung cấp khác	14.225.853.465	13.101.196.268
Cộng	30.199.636.814	64.827.890.218

5. Phải thu khác

5a. Phải thu ngắn hạn khác

	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
<i>Phải thu các bên liên quan</i>	252.063.447.498	-	223.375.740.609	-
Công ty TNHH MTV Dược phẩm VPC Sài Gòn – Hợp đồng hợp tác đầu tư ⁽ⁱ⁾	186.508.262.293	-	209.583.451.019	-
<i>Gốc</i>	179.824.714.627	-	199.978.604.178	-
<i>Lợi nhuận</i>	6.683.547.666	-	9.604.846.841	-
Công ty Cổ phần Thiết bị Y tế Benovas – Hợp đồng hợp tác đầu tư ⁽ⁱⁱ⁾	65.555.185.205	-	13.792.289.590	-
<i>Gốc</i>	63.160.000.000	-	13.260.000.000	-
<i>Lợi nhuận</i>	2.395.185.205	-	532.289.590	-
<i>Phải thu các tổ chức và cá nhân khác</i>	18.555.343.525	(4.349.490.202)	17.679.330.869	(4.349.490.202)
Phải thu về cổ phần hóa	5.600.000	-	5.600.000	-
Dự thu lãi tiền gửi có kỳ hạn	3.450.086.497	-	2.463.072.730	-
Ký cược, ký quỹ	130.802.596	-	428.302.596	-
Tạm ứng	2.151.970.380	-	2.145.116.204	-
Thuế GTGT của tài sản thuê tài chính	7.572.153.242	-	7.531.505.244	-
Các khoản phải thu ngắn hạn khác	5.244.730.810	(4.349.490.202)	5.105.734.095	(4.349.490.202)
Cộng	270.618.791.023	(4.349.490.202)	241.055.071.478	(4.349.490.202)

⁽ⁱ⁾ Hợp đồng hợp tác đầu tư với Công ty TNHH MTV Dược phẩm VPC Sài Gòn (Công ty con), thời hạn hợp tác là 12 tháng, Công ty được hưởng lợi nhuận cố định 6,75%-7,58%/365 ngày mà không phụ thuộc vào kết quả hoạt động kinh doanh của Công ty con.

CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC PHẨM CỬU LONG

Địa chỉ: Số 150 đường 14/9, phường Thanh Đức, tỉnh Vĩnh Long

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

- (ii) Hợp đồng hợp tác đầu tư với Công ty Cổ phần Thiết bị Y tế Benovas (Công ty con), thời hạn hợp tác là 12 tháng, Công ty được hưởng lợi nhuận cố định 7,5%/365 ngày mà không phụ thuộc vào kết quả hoạt động kinh doanh của Công ty con.

5b. Phải thu dài hạn khác

Là khoản ký cược, ký quỹ dài hạn.

6. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi

	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
Phải thu tiền bán hàng	28.609.541.159	(19.132.365.627)	24.513.162.775	(16.543.115.602)
Phải thu các khoản chi hộ	3.659.656.462	(3.659.656.462)	3.659.656.462	(3.659.656.462)
Phải thu khác (các đối tượng tạm ứng đã nghi việc)	689.833.740	(689.833.740)	689.833.740	(689.833.740)
Ứng trước cho người bán	562.388.927	(562.388.927)	562.388.927	(562.388.927)
Cộng	33.521.420.288	(24.044.244.756)	29.425.041.904	(21.454.994.731)

Tình hình biến động dự phòng nợ phải thu khó đòi như sau:

	Năm nay	Năm trước
Số đầu năm	21.454.994.731	20.718.726.171
Trích lập dự phòng bổ sung	2.589.250.025	736.268.560
Số cuối năm	24.044.244.756	21.454.994.731

7. Hàng tồn kho

	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
Hàng mua đang đi trên đường	28.244.242.863	-	29.242.530.353	-
Nguyên liệu, vật liệu	168.135.993.477	(1.101.078.030)	155.207.740.024	(3.988.871.018)
Công cụ, dụng cụ	11.257.616.666	-	11.077.312.119	-
Thành phẩm	91.706.817.045	(4.524.661.770)	118.999.719.626	(5.190.723.370)
Hàng hóa	34.936.662.279	(1.242.313.659)	33.790.177.322	(1.212.725.251)
Cộng	334.281.332.330	(6.868.053.459)	348.317.479.444	(10.392.319.639)

Hàng tồn kho bao gồm nguyên liệu, vật liệu, thành phẩm và hàng hóa, giá trị 299.470.531.786 VND, đã được thế chấp để đảm bảo cho nghĩa vụ vay ngân hàng (xem thuyết minh V.19).

Tình hình biến động dự phòng giảm giá hàng tồn kho như sau:

	Năm nay	Năm trước
Số đầu năm	10.392.319.639	7.431.405.419
Trích lập dự phòng bổ sung	6.036.878.001	2.960.914.220
Sử dụng dự phòng	(9.561.144.181)	-
Số cuối năm	6.868.053.459	10.392.319.639

CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC PHẨM CỬU LONG

Địa chỉ: Số 150 đường 14/9, phường Thanh Đức, tỉnh Vĩnh Long

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

8. Chi phí trả trước

8a. Chi phí trả trước ngắn hạn

	Số cuối năm	Số đầu năm
Chi phí công cụ, dụng cụ	1.403.478.872	1.473.915.790
Chi phí sửa chữa	549.156.347	-
Chi phí bảo hiểm	343.869.932	601.263.390
Chi phí phần mềm	304.734.473	892.461.281
Các chi phí trả trước ngắn hạn khác	314.576.261	243.428.151
Cộng	2.915.815.885	3.211.068.612

8b. Chi phí trả trước dài hạn

	Số cuối năm	Số đầu năm
Chi phí công cụ, dụng cụ	8.894.835.338	6.138.508.475
Chi phí sửa chữa, bảo trì	3.338.645.289	-
Các chi phí trả trước dài hạn khác	2.254.564.161	6.074.019.612
Cộng	14.488.044.788	12.212.528.087

9. Tài sản cố định hữu hình

	Nhà cửa, vật kiến trúc	Máy móc và thiết bị	Phương tiện vận tải, truyền dẫn	Thiết bị, dụng cụ quản lý	Cộng
<i>Nguyên giá</i>					
Số đầu năm	230.984.054.880	660.418.916.375	24.638.635.829	4.142.761.771	920.184.368.855
Mua trong năm	-	8.630.268.168	-	-	8.630.268.168
Đầu tư XDCB hoàn thành	13.526.126.518	7.353.946.403	-	356.481.481	21.236.554.402
Mua lại tài sản cố định thuê tài chính	-	11.019.163.039	-	-	11.019.163.039
Thanh lý, nhượng bán	-	(67.571.935.333)	(658.109.064)	(107.427.000)	(68.337.471.397)
Số cuối năm	244.510.181.398	619.850.358.652	23.980.526.765	4.391.816.252	892.732.883.067
<i>Trong đó:</i>					
Đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng	14.609.062.741	204.552.436.829	16.529.823.351	2.005.914.862	237.697.237.783
Chờ thanh lý	-	13.077.109.819	-	90.000.000	13.167.109.819
<i>Giá trị hao mòn</i>					
Số đầu năm	71.812.072.047	418.575.089.751	18.854.899.451	2.391.294.604	511.633.355.853
Khấu hao trong năm	8.237.004.506	21.737.948.399	1.221.775.299	234.567.648	31.431.295.852
Mua lại tài sản cố định thuê tài chính	-	9.086.474.004	-	-	9.086.474.004
Thanh lý, nhượng bán	-	(57.595.606.420)	(658.109.064)	(107.427.000)	(58.361.142.484)
Số cuối năm	80.049.076.553	391.803.905.734	19.418.565.686	2.518.435.252	493.789.983.225
<i>Giá trị còn lại</i>					
Số đầu năm	159.171.982.833	241.843.826.624	5.783.736.378	1.751.467.167	408.551.013.002
Số cuối năm	164.461.104.845	228.046.452.918	4.561.961.079	1.873.381.000	398.942.899.842

Một số tài sản cố định hữu hình có giá trị còn lại theo sổ sách là 245.386.366.118 VND đã được thế chấp, cầm cố để đảm bảo cho các khoản vay ngân hàng (xem thuyết minh V.19b).

CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC PHẨM CỬU LONG

Địa chỉ: Số 150 đường 14/9, phường Thanh Đức, tỉnh Vĩnh Long

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)**10. Tài sản cố định thuê tài chính**

Là máy móc thiết bị. Chi tiết như sau:

	Nguyên giá	Hao mòn lũy kế	Giá trị còn lại
Số đầu năm	22.876.854.258	9.363.314.894	13.513.539.364
Thuê tài chính trong năm (kết chuyển từ XDCD dở dang)	176.450.409.339	-	176.450.409.339
Mua lại tài sản cố định thuê tài chính	(11.019.163.039)	(9.086.474.004)	(1.932.689.035)
Khấu hao trong năm	-	11.001.637.446	(11.001.637.446)
Số cuối năm	188.308.100.558	11.278.478.336	177.029.622.222

11. Tài sản cố định vô hình

	Quyền sử dụng đất	Chi phí phần mềm	Bản sắc thương hiệu (*)	Cộng
<i>Nguyên giá</i>				
Số đầu năm	203.067.927	4.648.620.640	988.680.000	5.840.368.567
Số cuối năm	203.067.927	4.648.620.640	988.680.000	5.840.368.567
<i>Trong đó:</i>				
Đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng	-	-	569.916.700	569.916.700
<i>Giá trị hao mòn</i>				
Số đầu năm	-	1.695.085.945	425.682.210	2.120.768.155
Khấu hao trong năm	-	410.943.178	49.434.000	460.377.178
Số cuối năm	-	2.106.029.123	475.116.210	2.581.145.333
<i>Giá trị còn lại</i>				
Số đầu năm	203.067.927	2.953.534.695	562.997.790	3.719.600.412
Số cuối năm	203.067.927	2.542.591.517	513.563.790	3.259.223.234
<i>Trong đó:</i>				
Tạm thời không sử dụng	-	-	-	-
Đang chờ thanh lý	-	-	-	-

(*) Là bản sắc thương hiệu Dược Cửu Long hình thành từ ngày 10 tháng 01 năm 2016, thời gian khấu hao 20 năm.

12. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

	Số đầu năm	Chi phí phát sinh trong năm	Kết chuyển vào TSCĐ trong năm	Kết chuyển sang chi phí trả trước	Số cuối năm
<i>Mua sắm tài sản cố định</i>	-	8.853.188.168	(8.630.268.168)	-	222.920.000
<i>Xây dựng cơ bản dở dang</i>	339.912.913.689	70.146.232.893	(197.686.963.741)	(1.483.307.029)	206.420.610.715
Công trình Nhà máy tại Long An ⁽ⁱ⁾	186.066.914.053	13.093.686.774	-	-	199.160.600.827
Dự án dây chuyền Capsule 5 ⁽ⁱⁱ⁾	152.392.172.368	30.947.360.000	(181.856.225.339)	(1.483.307.029)	-
Dự án khác	1.453.827.268	26.105.186.119	(15.830.738.402)	-	7.260.009.888
Cộng	339.912.913.689	78.999.421.061	(206.317.231.909)	(1.483.307.029)	206.643.530.715

CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC PHẨM CỬU LONG

Địa chỉ: Số 150 đường 14/9, phường Thanh Đức, tỉnh Vĩnh Long

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

- (i) Công trình nhà máy tại Long An theo Giấy chứng nhận đầu tư số 6037037488 của Ban quản lý Khu kinh tế tỉnh Long An ngày 30 tháng 6 năm 2022 mục đích để sản xuất thuốc, dược phẩm và vật tư y tế, với tổng vốn đầu tư 1.035 tỷ VND.

Trong đó, quyền sử dụng đất tại Khu công nghiệp Hựu Thạnh, tỉnh Long An, với giá trị 161,7 tỷ VND, đã được sử dụng làm tài sản thế chấp cho khoản vay Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam - Chi nhánh Thành An (xem Thuyết minh V.19).

- (ii) Dự án dây chuyền Capsule giai đoạn 5 với mục đích đầu tư mở rộng sản xuất viên nang rỗng, làm tăng công suất sản xuất cho nhà máy với tổng vốn đầu tư là 232,4 tỷ đồng. Tháng 01/2025, dự án đã được đưa vào sử dụng.

Tổng chi phí đi vay được vốn hóa vào chi phí xây dựng cơ bản dở dang trong năm là 3.389.903.260 VND (Năm trước: 18.550.062.021 VND).

13. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại liên quan đến khoản chênh lệch tạm thời được khấu trừ (chi phí phải trả). Chi tiết phát sinh trong năm như sau:

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Số đầu năm	2.048.913.027	2.714.898.105
Ghi nhận vào kết quả kinh doanh	1.057.435.841	(665.985.078)
Số cuối năm	3.106.348.868	2.048.913.027

Thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp sử dụng để xác định giá trị tài sản thuế thu nhập hoãn lại là 20% (năm trước thuế suất là 20%).

14. Phải trả người bán ngắn hạn

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
Phải trả các bên liên quan	9.950.867.056	45.990.591.618
Công ty Cổ phần Tập đoàn F.I.T	6.641.487.402	9.485.212.027
Công ty TNHH Xuất nhập khẩu và Thương mại F.I.T Việt Nam	3.281.595.478	36.505.379.591
Công ty Cổ phần FIT Cosmetics	3.284.176	-
Công ty Cổ phần Vật tư Kỹ thuật Nông nghiệp Cần Thơ	24.500.000	-
Phải trả các nhà cung cấp khác	48.961.734.417	48.667.583.882
Công ty Cổ phần Đầu tư WW	2.990.781.051	14.817.760.462
Công ty Pb Gelatin	8.229.624.000	-
Công ty Nectar Lifesciences - Ấn Độ	-	9.790.632.180
Pharmascience INC	5.982.700.838	4.429.061.442
Công ty TNHH Larissa Pharma	6.671.818.125	-
Các nhà cung cấp khác	25.086.810.403	19.630.129.798
Cộng	58.912.601.473	94.658.175.500

15. Người mua trả tiền trước ngắn hạn

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
Công ty TNHH MTV Dược phẩm Như Tâm	208.899.200	139.952.000
Công ty TNHH Dịch vụ Đầu tư Phát triển Y tế Hà Nội	300.000.000	300.000.000
Công ty Cổ phần Dược phẩm Sagophar	-	1.500.000.000
Công ty TNHH Dược phẩm Bắc Bình	-	1.552.379.400
Các khách hàng khác	490.310.359	904.182.703
Cộng	999.209.559	4.396.514.103

CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC PHẨM CỨU LONG

Địa chỉ: Số 150 đường 14/9, phường Thanh Đức, tỉnh Vĩnh Long

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

16. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước

16a. Phải thu

	Số đầu năm	Số đã bù trừ trong năm	Số phải thu trong năm	Số cuối năm
Thuế GTGT hàng nhập khẩu	1.027.656.493	1.027.656.493	2.302.653.590	2.302.653.590
Thuế xuất, nhập khẩu	124.235.899	2.114.625.028	3.364.154.851	1.373.765.722
Phí, lệ phí và các khoản phải nộp khác	-	-	217.495.000	217.495.000
Cộng	1.151.892.392	3.142.281.521	5.884.303.441	3.893.914.312

16b. Phải nộp

	Số đầu năm	Số phải nộp trong năm	Số đã nộp trong năm	Số cuối năm
Thuế GTGT hàng nhập khẩu	-	22.052.696.778	22.052.696.778	-
Thuế thu nhập doanh nghiệp	10.106.718.268	7.496.745.136	10.131.979.512	7.471.483.892
Thuế thu nhập cá nhân	134.256.975	1.640.720.003	1.753.515.527	21.461.451
Tiền thuê đất	-	1.364.807.205	1.364.807.205	-
Phí, lệ phí và các khoản phải nộp khác	-	1.132.952.037	1.132.952.037	-
Cộng	10.240.975.243	33.687.921.159	36.435.951.059	7.492.945.343

Thuế giá trị gia tăng

Công ty nộp thuế giá trị gia tăng theo phương pháp khấu trừ. Thuế suất thuế giá trị gia tăng như sau:

- Thuế GTGT cho mặt hàng dược phẩm, dụng cụ y tế 5%
- Thuế GTGT cho mặt hàng khác 8 - 10%

Thuế xuất, nhập khẩu

Công ty kê khai và nộp theo thông báo của Hải quan.

Thuế thu nhập doanh nghiệp

Công ty phải nộp thuế thu nhập doanh nghiệp với thuế suất 20%.

Thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp trong năm được dự tính như sau:

	Năm nay	Năm trước
Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	27.678.954.631	53.164.055.226
Các khoản điều chỉnh tăng, giảm lợi nhuận kế toán để xác định lợi nhuận chịu thuế thu nhập doanh nghiệp:	9.678.464.830	(2.630.463.886)
Chi phí chưa có hóa đơn, chứng từ	5.287.179.204	(3.329.925.389)
Chi phí không được trừ	3.747.134.037	371.851.882
Thù lao HĐQT, BKS không điều hành	636.000.000	336.000.000
Lãi/lỗ chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại số dư cuối năm của tiền và các khoản phải thu	8.151.589	(8.390.379)
Thu nhập chịu thuế	37.357.419.461	50.533.591.340
Thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp	20%	20%
Thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp	7.471.483.892	10.106.718.268
Điều chỉnh thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp của các năm trước	25.261.244	12.771.455
Tổng Thuế thu nhập doanh nghiệp còn phải nộp	7.496.745.136	10.119.489.723

CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC PHẨM CỨU LONG

Địa chỉ: Số 150 đường 14/9, phường Thanh Đức, tỉnh Vĩnh Long

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

Việc xác định thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp của Công ty được căn cứ vào các quy định hiện hành về thuế. Tuy nhiên, những quy định này thay đổi theo từng thời kỳ và các quy định về thuế đối với nhiều loại giao dịch khác nhau có thể được giải thích theo nhiều cách khác nhau. Do vậy số thuế được trình bày trên Báo cáo tài chính có thể sẽ thay đổi khi cơ quan thuế kiểm tra.

Thuế nhà đất

Thuế nhà đất được nộp theo thông báo của cơ quan thuế

Các loại thuế khác

Công ty kê khai và nộp theo quy định.

17. Chi phí phải trả ngắn hạn

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
<i>Phải trả các bên liên quan</i>	2.413.156.589	-
Công ty Cổ phần Dược phẩm Benovas - chi phí hỗ trợ bán hàng	2.413.156.589	-
<i>Phải trả các tổ chức và cá nhân khác</i>	12.528.038.839	9.654.016.224
Chi phí lãi vay phải trả	633.649.553	569.014.285
Chi phí hỗ trợ bán hàng	5.759.003.094	4.957.712.548
Các chi phí phải trả ngắn hạn khác	6.135.386.192	4.127.289.391
Cộng	14.941.195.428	9.654.016.224

18. Phải trả ngắn hạn khác

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
<i>Phải trả các bên liên quan</i>	-	1.088.504.119
Công ty Cổ phần Tập đoàn F.I.T – Các khoản chi hộ	-	1.088.504.119
<i>Phải trả các đơn vị và cá nhân khác</i>	1.367.219.471	1.215.966.710
Tài sản thừa chờ giải quyết	172.739.856	172.739.856
Kinh phí công đoàn	170.736.524	206.550.269
Cổ tức phải trả	83.802.660	83.802.660
Các khoản phải trả ngắn hạn khác	939.940.431	752.873.925
Cộng	1.367.219.471	2.304.470.829

19. Vay và nợ thuê tài chính

19a. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
<i>Vay ngắn hạn ngân hàng (*)</i>	456.216.602.344	394.064.014.870
Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Vĩnh Long	75.272.210.772	77.041.198.112
Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam - Chi nhánh Vĩnh Long	169.481.929.836	149.913.373.175
Ngân hàng TMCP Quân đội - Chi nhánh Cần Thơ	93.088.164.733	70.835.140.456
Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam - Chi nhánh Thành An	93.253.490.356	96.274.303.127
Ngân hàng Đại chúng TNHH Kasikornbank – Chi nhánh Hồ Chí Minh	25.120.806.647	-

CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC PHẨM CỬU LONG

Địa chỉ: Số 150 đường 14/9, phường Thanh Đức, tỉnh Vĩnh Long

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
Vay dài hạn đến hạn trả (xem thuyết minh số V.19b)	51.087.037.320	61.265.624.004
Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam - Chi nhánh Vĩnh Long	22.000.000.000	22.000.000.000
Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam - Chi nhánh Thành An	20.246.413.320	30.425.000.004
Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Vĩnh Long	8.840.624.000	8.840.624.000
Nợ thuê tài chính đến hạn trả - Công ty Cho thuê Tài chính TNHH MTV Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam (xem thuyết minh số V.19b)	24.375.083.640	24.544.084.140
Cộng	531.678.723.304	479.873.723.014

(*) Các khoản vay ngắn hạn ngân hàng để bổ sung vốn lưu động phục vụ hoạt động kinh doanh, thời hạn vay không quá 12 tháng. Chi tiết như sau:

<u>Ngân hàng</u>	<u>Hạn mức</u>	<u>Lãi suất (năm)</u>	<u>Tài sản đảm bảo</u>
Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Vĩnh Long	100 tỷ VND	5,5 – 7,5%	các hợp đồng tiền gửi có kỳ hạn (xem Thuyết minh V.2a)
Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam - Chi nhánh Vĩnh Long	300 tỷ VND	4,7 – 6,6%	toàn bộ tài sản, bao gồm công trình xây dựng và máy móc thiết bị hình thành trong tương lai từ Dự án Capsule 3, máy móc thiết bị hình thành trong tương lai từ dự án đầu tư mở rộng Nhà máy Capsule giai đoạn 4, hàng tồn kho luân chuyển với giá trị 65 tỷ VND và các hợp đồng tiền gửi có kỳ hạn
Ngân hàng TMCP Quân đội - Chi nhánh Cần Thơ	100 tỷ VND	5,5% - 6,5%	các hợp đồng tiền gửi có kỳ hạn và hàng tồn kho
Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam - Chi nhánh Thành An	300 tỷ VND	4,8% - 7,3%	hợp đồng tiền gửi có kỳ hạn, hàng tồn kho và tài sản cố định hữu hình của Công ty
Ngân hàng Đại chúng TNHH Kasikornbank – Chi nhánh Hồ Chí Minh	50 tỷ VND	4,9% - 5,85%	hợp đồng tiền gửi có kỳ hạn, quyền đòi nợ phải thu của Công ty

Chi tiết số phát sinh về các khoản vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn trong năm như sau:

	<u>Vay ngắn hạn ngân hàng</u>	<u>Vay dài hạn đến hạn trả</u>	<u>Nợ thuê tài chính đến hạn trả</u>	<u>Cộng</u>
Số đầu năm	394.064.014.870	61.265.624.004	24.544.084.140	479.873.723.014
Số tiền vay phát sinh	1.146.911.977.214	-	-	1.146.911.977.214
Kết chuyển từ vay và nợ dài hạn	-	51.087.037.320	25.849.990.447	76.937.027.767
Số tiền vay đã trả	(1.084.759.389.740)	(61.265.624.004)	(26.018.990.947)	(1.172.044.004.691)
Số cuối năm	456.216.602.344	51.087.037.320	24.375.083.640	531.678.723.304

CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC PHẨM CỬU LONG

Địa chỉ: Số 150 đường 14/9, phường Thanh Đức, tỉnh Vĩnh Long

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

19b. Vay và nợ thuê tài chính dài hạn

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
Vay dài hạn ngân hàng	25.946.068.318	77.033.105.638
Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam - Chi nhánh Vĩnh Long ⁽ⁱ⁾	8.264.825.167	30.264.825.167
Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam - Chi nhánh Thành An ⁽ⁱⁱ⁾	-	20.246.413.320
Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Vĩnh Long ⁽ⁱⁱⁱ⁾	17.681.243.151	26.521.867.151
Nợ thuê tài chính - Công ty Cho thuê Tài chính TNHH MTV Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam ^(iv)	73.420.313.888	96.872.822.835
Cộng	99.366.382.206	173.905.928.473

- (i) Khoản vay Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam - Chi nhánh Vĩnh Long từ năm 2021 để đầu tư thực hiện Dự án "đầu tư Nhà máy sản xuất Capsule - Giai đoạn 4" tại số 21B, Phan Đình Phùng, Phường 8, thành phố Vĩnh Long, tỉnh Vĩnh Long. Hạn mức là 140.000.000.000 VND, nhưng tối đa không vượt quá 70% tổng mức đầu tư của Dự án không bao gồm VAT, thời hạn vay tối đa là 72 tháng kể từ ngày giải ngân đầu tiên đến hết ngày đáo hạn quy định tại văn bản nhận nợ. Lãi suất vay từ 7,3%/năm. Khoản vay được thế chấp bằng toàn bộ tài sản bao gồm công trình xây dựng và máy móc thiết bị hình thành trong tương lai từ dự án Capsule 3.
- (ii) Khoản vay Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam - Chi nhánh Thành An từ năm 2022 với mục đích thanh toán chi phí thuê đất của Tổng Công ty Idico tại Khu công nghiệp Hựu Thạnh, tỉnh Long An; hạn mức là 121.700.000.000 VND, thời hạn vay tối đa là 48 tháng kể từ ngày tiếp theo của ngày giải ngân khoản nợ đầu tiên. Lãi suất vay 9,2%/năm. Khoản vay được thế chấp bằng Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất của khu đất (xem thuyết minh V.12).
- (iii) Khoản vay Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Vĩnh Long từ năm 2023 để đầu tư dự án "Xây dựng kho Dược phẩm và Tòa nhà R&D đạt tiêu chuẩn GSP, GLP"; hạn mức là 59.000.000.000 VND, thời hạn vay tối đa 60 tháng kể từ ngày giải ngân vốn vay lần đầu. Lãi suất vay 7,8%/năm. Khoản vay được thế chấp bằng Quyền sử dụng đất ở Khóm 6, phường 5, thành phố Vĩnh Long, tỉnh Vĩnh Long và các tài sản hình thành trong tương lai của dự án này.
- (iv) Thuê tài chính Công ty Cho thuê Tài chính TNHH MTV Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam theo các hợp đồng từ năm 2022 và 2023 để thuê các máy móc thiết bị, dây chuyền sản xuất viên nang, xe ô tô tải đông lạnh và hệ thống HVAC cho nhà máy Capsule - Giai đoạn 5. Thời hạn thuê từ 05 đến 07 năm, lãi suất từ 9,2%/năm.

Kỳ hạn thanh toán các khoản vay và nợ thuê tài chính dài hạn như sau:

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
Từ 1 năm trở xuống	75.462.120.960	85.809.708.144
Trên 1 năm đến 5 năm	99.059.024.456	167.470.524.598
Trên 5 năm	307.357.750	6.435.403.875
Cộng	174.828.503.166	259.715.636.617

CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC PHẨM CỬU LONG

Địa chỉ: Số 150 đường 14/9, phường Thanh Đức, tỉnh Vĩnh Long

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

Tổng nợ thuê tài chính phải trả như sau:

	Từ 1 năm trở xuống	Trên 1 năm đến 5 năm	Trên 5 năm	Cộng
Số cuối năm				
Tiền gốc phải trả	24.375.083.640	73.112.956.138	307.357.750	97.795.397.528
Lãi thuê phải trả	7.967.100.554	11.271.305.215	1.239.536	19.239.645.305
Nợ thuê tài chính phải trả	32.342.184.194	84.384.261.353	308.597.286	117.035.042.833
Số đầu năm				
Tiền gốc phải trả	24.544.084.140	90.437.418.960	6.435.403.875	121.416.906.975
Lãi thuê phải trả	10.479.546.246	19.262.617.901	221.730.399	29.963.894.546
Nợ thuê tài chính phải trả	35.023.630.386	109.700.036.861	6.657.134.274	151.380.801.521

Chi tiết số phát sinh về các khoản vay và nợ thuê tài chính dài hạn như sau:

	Vay dài hạn ngân hàng	Nợ thuê tài chính	Cộng
Số đầu năm	77.033.105.638	96.872.822.835	173.905.928.473
Số tiền vay phát sinh	-	2.397.481.500	2.397.481.500
Kết chuyển sang vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	(51.087.037.320)	(25.849.990.447)	(76.937.027.767)
Số cuối năm	25.946.068.318	73.420.313.888	99.366.382.206

19c. Vay và nợ thuê tài chính quá hạn chưa thanh toán

Công ty không có các khoản vay và nợ thuê tài chính quá hạn chưa thanh toán

20. Quỹ khen thưởng, phúc lợi

	Năm nay	Năm trước
Số đầu năm	3.429.049.961	4.144.325.453
Tăng do trích lập từ lợi nhuận	2.000.000.000	2.000.000.000
Chi quỹ	(3.081.900.331)	(2.715.275.492)
Số cuối năm	2.347.149.630	3.429.049.961

21. Vốn chủ sở hữu**21a. Bảng đối chiếu biến động của vốn chủ sở hữu**

	Vốn đầu tư của chủ sở hữu	Thặng dư vốn cổ phần	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	Nguồn vốn đầu tư XDCB	Cộng
Số dư đầu năm trước	730.410.300.000	220.358.863.743	402.869.091.892	20.166.850	1.353.658.422.485
Lợi nhuận trong năm	-	-	42.378.580.425	-	42.378.580.425
Trích quỹ khen thưởng, phúc lợi	-	-	(2.000.000.000)	-	(2.000.000.000)
Tăng khác	-	-	255.770.652	-	255.770.652
Số dư cuối năm trước	730.410.300.000	220.358.863.743	443.503.442.969	20.166.850	1.394.292.773.562

CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC PHẨM CỬU LONG

Địa chỉ: Số 150 đường 14/9, phường Thanh Đức, tỉnh Vĩnh Long

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

	Vốn đầu tư của chủ sở hữu	Thặng dư vốn cổ phần	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	Nguồn vốn đầu tư XDCB	Cộng
Số dư đầu năm nay	730.410.300.000	220.358.863.743	443.503.442.969	20.166.850	1.394.292.773.562
Lợi nhuận trong năm	-	-	21.239.645.336	-	21.239.645.336
Trích quỹ khen thưởng, phúc lợi			(2.000.000.000)	-	(2.000.000.000)
Số dư cuối năm nay	730.410.300.000	220.358.863.743	462.743.088.305	20.166.850	1.413.532.418.898

21b. Chi tiết vốn góp của chủ sở hữu

	Số cuối năm	Số đầu năm
Công ty Cổ phần Tập đoàn F.I.T	424.026.160.000	424.026.160.000
Các cổ đông khác	306.384.140.000	306.384.140.000
Cộng	730.410.300.000	730.410.300.000

21c. Cổ phiếu

	Số cuối năm	Số đầu năm
Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	73.041.030	73.041.030
Số lượng cổ phiếu phổ thông đã phát hành	73.041.030	73.041.030
Số lượng cổ phiếu phổ thông đang lưu hành	73.041.030	73.041.030
Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành: 10.000 VND.		

21d. Phân phối lợi nhuận

Trong năm, Công ty đã phân phối lợi nhuận theo Nghị quyết Đại hội cổ đông thường niên năm 2025 số 01/2025/NQ-ĐHĐCĐ ngày 25 tháng 4 năm 2025 như sau:

- Trích quỹ khen thưởng, phúc lợi 2.000.000.000

22. Các khoản mục ngoài Bảng cân đối kế toán**22a. Ngoại tệ các loại**

	Số cuối năm	Số đầu năm
Dollar Mỹ (USD)	12.605,19	8.975,76

22b. Nợ khó đòi đã xử lý từ thời điểm 01/01/2023 đến thời điểm 31/12/2025

Theo Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2023 của Công ty Cổ phần Dược phẩm Cửu Long số 01/2023/NQ-ĐHĐCĐ ngày 17 tháng 4 năm 2023 và Tờ trình số 07/2023/TT-ĐHĐCĐ ngày 13 tháng 4 năm 2023, Công ty đã tiến hành xóa nợ cho một số đối tượng công nợ lâu ngày khó đòi đã không còn khả năng thu hồi phát sinh từ năm 2015.

	Số cuối năm	Số đầu năm
Công ty TNHH Dược phẩm Thiên Sơn	16.428.897.499	16.428.897.499
Công ty liên doanh Sản xuất kinh doanh XNK Dược phẩm và Trang thiết bị y tế	6.409.912.464	6.409.912.464
Công ty TNHH Dược phẩm Hải Tâm	4.975.554.629	4.975.554.629
Medical Supply Pharm Enterprise (Cambodia)	3.416.271.572	3.416.271.572
Drug Sivilay Import Export Co. (Lào)	1.310.050.560	1.310.050.560
Các đối tượng khác	3.622.105.757	3.622.105.757
Cộng	36.162.792.481	36.162.792.481

CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC PHẨM CỬU LONG

Địa chỉ: Số 150 đường 14/9, phường Thanh Đức, tỉnh Vĩnh Long

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

VI. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ

1a. Tổng doanh thu

	Năm nay	Năm trước
Doanh thu bán hàng hóa	680.199.990.477	572.035.523.132
Doanh thu bán thành phẩm	670.540.483.347	703.218.822.983
Cộng	1.350.740.473.824	1.275.254.346.115

1b. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ cho các bên liên quan

Xem Thuyết minh VII.1.

2. Các khoản giảm trừ doanh thu

	Năm nay	Năm trước
Chiết khấu thương mại	19.689.324.227	11.912.417.319
Hàng bán bị trả lại	15.298.436.385	6.295.452.843
Giảm giá hàng bán	1.293.334	3.877.144
Cộng	34.989.053.946	18.211.747.306

3. Giá vốn hàng bán

	Năm nay	Năm trước
Giá vốn của hàng hóa đã bán	654.320.229.419	540.724.008.211
Giá vốn của thành phẩm đã bán	487.213.091.045	561.312.318.051
Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	6.036.878.001	2.960.914.220
Cộng	1.147.570.198.465	1.104.997.240.482

4. Doanh thu hoạt động tài chính

	Năm nay	Năm trước
Lãi tiền gửi ngân hàng	5.959.129.066	5.588.948.821
Lợi nhuận từ các hợp đồng hợp tác đầu tư	16.897.581.751	15.659.497.013
Lãi chênh lệch tỷ giá phát sinh	36.164.417	274.730.039
Lãi chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ	2.681.164	-
Cộng	22.895.556.398	21.523.175.873

5. Chi phí tài chính

	Năm nay	Năm trước
Chi phí lãi vay	39.690.805.309	25.386.683.521
Dự phòng giảm giá các khoản đầu tư	25.686.632.657	-
Lỗ chênh lệch tỷ giá phát sinh	270.597.933	106.456.103
Lỗ chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ	-	15.900.063
Cộng	65.648.035.899	25.509.039.687

CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC PHẨM CỬU LONG

Địa chỉ: Số 150 đường 14/9, phường Thanh Đức, tỉnh Vĩnh Long

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

6. Chi phí bán hàng

	Năm nay	Năm trước
Chi phí cho nhân viên	21.300.260.015	23.116.799.350
Chi phí vật liệu, bao bì	349.984.550	433.753.903
Chi phí khấu hao tài sản cố định	2.439.064.325	2.005.949.126
Chi phí dịch vụ mua ngoài	24.181.960.540	25.349.659.361
<i>Chi phí hỗ trợ bán hàng</i>	<i>6.720.256.697</i>	<i>4.063.461.919</i>
<i>Chi phí vận chuyển</i>	<i>12.733.015.776</i>	<i>12.505.939.409</i>
<i>Chi phí dịch vụ mua ngoài khác</i>	<i>4.728.688.067</i>	<i>8.780.258.033</i>
Các chi phí khác	2.354.698.676	2.701.488.896
Cộng	50.625.968.106	53.607.650.636

7. Chi phí quản lý doanh nghiệp

	Năm nay	Năm trước
Chi phí cho nhân viên	18.903.318.718	20.110.666.485
Chi phí vật liệu quản lý	1.725.496.431	1.648.908.275
Chi phí khấu hao tài sản cố định	647.528.234	651.068.557
Dự phòng phải thu khó đòi	2.589.250.025	736.268.559
Chi phí dịch vụ mua ngoài	18.790.367.995	17.025.394.911
<i>Chi phí tư vấn</i>	<i>7.514.302.256</i>	<i>6.570.476.472</i>
<i>Chi phí dịch vụ mua ngoài khác</i>	<i>11.276.065.739</i>	<i>10.454.918.439</i>
Các chi phí khác	1.439.554.009	1.222.963.285
Cộng	44.095.515.412	41.395.270.072

8. Chi phí khác

	Năm nay	Năm trước
Thuế bị phạt, bị truy thu	3.529.282.861	132.796.862
Chi phí khác	649.826.549	249.995.174
Cộng	4.179.109.410	382.792.036

9. Lãi trên cổ phiếu

Thông tin về lãi trên cổ phiếu được trình bày trên Báo cáo tài chính hợp nhất.

10. Chi phí sản xuất kinh doanh theo yếu tố

	Năm nay	Năm trước
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	518.163.824.296	610.457.521.152
Chi phí nhân công	85.226.502.285	99.801.565.389
Chi phí khấu hao tài sản cố định	42.893.310.476	36.307.212.719
Chi phí dịch vụ mua ngoài	77.198.569.022	80.786.594.519
Chi phí dự phòng	2.589.250.025	736.268.559
Chi phí khác	27.121.451.195	25.555.592.300
Cộng	753.192.907.299	853.644.754.638

CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC PHẨM CỬU LONG

Địa chỉ: Số 150 đường 14/9, phường Thanh Đức, tỉnh Vĩnh Long

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

VII. NHỮNG THÔNG TIN KHÁC

1. Giao dịch và số dư với các bên liên quan

Các bên liên quan với Công ty bao gồm: các thành viên quản lý chủ chốt, các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt và các bên liên quan khác.

1a. Giao dịch và số dư với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt

Các thành viên quản lý chủ chốt gồm: các thành viên Hội đồng quản trị, Ban Kiểm soát, các thành viên Ban Tổng Giám đốc và Kế toán trưởng. Các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt là các thành viên mật thiết trong gia đình các thành viên quản lý chủ chốt.

Công ty chỉ phát sinh giao dịch với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt như sau:

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Tạm ứng	20.000.000	222.193.159
Hoàn ứng	20.000.000	319.193.159

Công nợ với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt được trình bày tại thuyết minh số V.5.

Thu nhập của các thành viên quản lý chủ chốt

		<u>Tiền lương</u>	<u>Thù lao</u>	<u>Cộng thu nhập</u>
Năm nay				
Ông Nguyễn Văn Sang	Chủ tịch HĐQT	-	120.000.000	120.000.000
Ông Nguyễn Ninh Dũng	Thành viên HĐQT	-	96.000.000	96.000.000
Bà Bùi Hồng Hạnh	Thành viên HĐQT	-	96.000.000	96.000.000
Bà Nguyễn Ngọc Mai	Thành viên HĐQT	-	96.000.000	96.000.000
Ông Phạm Văn Ngọc	Thành viên HĐQT	-	96.000.000	96.000.000
Bà Ngô Thu Trang	Trưởng BKS (từ 25/4/2025)	-	41.000.000	41.000.000
Bà Phan Thị Hòa	Trưởng BKS (đến 25/4/2025)	-	11.400.000	11.400.000
Bà Lê Thị Thương	Thành viên BKS (từ 25/4/2025)	-	24.600.000	24.600.000
Bà Phạm Thị Huệ	Thành viên BKS	-	36.000.000	36.000.000
Ông Nguyễn Văn Bản	Tổng Giám đốc (đến 01/5/2025)	31.973.390	-	31.973.390
Bà Nguyễn Thị Thu Hương	Tổng Giám đốc (từ 01/5/2025)	282.429.331	-	282.429.331
	Trưởng BKS (đến 01/5/2025)	-	19.000.000	19.000.000
Ông Nguyễn Trọng Đức	Phó Tổng Giám đốc	112.031.340	-	112.031.340
Cộng		426.434.061	636.000.000	1.062.434.061
Năm trước				
Ông Nguyễn Văn Sang	Chủ tịch HĐQT	-	60.000.000	60.000.000
Ông Nguyễn Ngọc Bích	Thành viên HĐQT (đến 25/4/2024)	-	16.000.000	16.000.000
Ông Nguyễn Ninh Dũng	Thành viên HĐQT	-	48.000.000	48.000.000
Bà Bùi Hồng Hạnh	Thành viên HĐQT	-	48.000.000	48.000.000
Bà Trương Thị Thu Hạnh	Thành viên HĐQT (đến 25/4/2024)	-	16.000.000	16.000.000
Bà Nguyễn Ngọc Mai	Thành viên HĐQT (từ 25/4/2024)	-	32.000.000	32.000.000

CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC PHẨM CỬU LONG

Địa chỉ: Số 150 đường 14/9, phường Thanh Đức, tỉnh Vĩnh Long

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

		Tiền lương	Thù lao	Cộng thu nhập
Ông Phạm Văn Ngọc	Thành viên HĐQT (từ 25/4/2024)	-	32.000.000	32.000.000
Bà Nguyễn Thị Thu Hương	Trưởng BKS (từ 02/5/2024)	-	24.000.000	24.000.000
Bà Phan Thị Hòa	Trưởng BKS (đến 02/5/2024)/Thành viên BKS (từ 02/5/2024)	-	28.000.000	28.000.000
Bà Phạm Thị Huệ	Thành viên BKS	-	24.000.000	24.000.000
Bà Lê Thị Thương	Thành viên BKS (đến 02/5/2024)	-	8.000.000	8.000.000
Ông Nguyễn Văn Bản	Tổng Giám đốc (từ 01/8/2024)	21.744.445	-	21.744.445
Ông Lương Trọng Hải	Tổng Giám đốc (đến 01/8/2024)	493.288.000	-	493.288.000
Ông Nghiêm Xuân Trường	Phó Tổng Giám đốc (đến 29/11/2024)	1.130.270.382	-	1.130.270.382
Ông Nguyễn Trọng Đức	Phó Tổng Giám đốc	109.551.341	-	109.551.341
Bà Trần Khiêm	Phó Tổng Giám đốc (đến 01/7/2024)	330.450.000	-	330.450.000
Cộng		2.085.304.168	336.000.000	2.421.304.168

1b. Giao dịch và số dư với các bên liên quan khác

Bên liên quan khác	Mối quan hệ
Công ty Cổ phần Tập đoàn F.I.T	Công ty mẹ
Công ty Liên doanh Sản xuất kinh doanh, Xuất nhập khẩu Dược phẩm và Trang thiết bị Y tế	Công ty con
Công ty TNHH MTV Dược phẩm VPC - Sài Gòn	Công ty con
Công ty Cổ phần Dược phẩm Benovas	Công ty con
Công ty Cổ phần Thiết bị y tế Benovas	Công ty con
Công ty Cổ phần Thuốc Ung thư Benovas	Công ty con
Công ty TNHH Xuất nhập khẩu và Thương mại F.I.T Việt Nam	Công ty cùng Tập đoàn
Công ty Cổ phần Vật tư Kỹ thuật Nông nghiệp Cần Thơ	Công ty cùng Tập đoàn
Công ty Cổ phần Đầu tư Bất động sản F.I.T	Công ty cùng Tập đoàn
Công ty Cổ phần Chế biến Thực phẩm Xuất khẩu Miền Tây	Công ty cùng Tập đoàn
Công ty Cổ phần Hạt giống TSC	Công ty cùng Tập đoàn
Công ty Cổ phần FIT Consumer	Công ty cùng Tập đoàn
Công ty Cổ phần Giống cây trồng Nông Tín	Công ty cùng Tập đoàn
Công ty Cổ phần Westfood Hậu Giang	Công ty cùng Tập đoàn
Công ty Cổ phần Nước khoáng Khánh Hòa	Công ty cùng Tập đoàn
Công ty Cổ phần FIT Cosmetics	Công ty liên kết của Công ty mẹ
Công ty Cổ phần Today Cosmetics	Bên liên quan của Công ty mẹ
Công ty Cổ phần Đầu tư JJK Holdings	Bên liên quan của Thành viên HĐQT

CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC PHẨM CỬU LONG

Địa chỉ: Số 150 đường 14/9, phường Thanh Đức, tỉnh Vĩnh Long

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

Giao dịch với các bên liên quan khác

Công ty phát sinh giao dịch với các bên liên quan khác như sau:

	Năm nay	Năm trước
Công ty Cổ phần Tập đoàn F.I.T		
Sử dụng dịch vụ cho thuê văn phòng và phí tư vấn	9.164.919.322	9.100.445.550
Công ty Cổ phần Dược phẩm Benovas		
Doanh thu từ bán hàng	442.855.204.632	397.443.644.333
Hàng bán bị trả lại	10.714.348.999	3.963.278.930
Chi phí hỗ trợ bán hàng	15.156.581.304	2.695.845.232
Công ty Cổ phần Thiết bị Y tế Benovas		
Công ty con trả gốc hợp tác đầu tư	15.260.000.000	12.800.000.000
Bán hàng	29.193.174.882	-
Bán TSCĐ	10.063.228.913	-
Mua hàng	29.540.797.730	-
Chuyển tiền hợp đồng hợp tác đầu tư	65.160.000.000	13.010.000.000
Phải thu lợi nhuận từ hợp đồng hợp tác đầu tư	2.411.533.150	412.392.329
Công ty TNHH MTV Dược phẩm VPC Sài Gòn		
Chuyển tiền hợp đồng hợp tác đầu tư	113.923.919.863	6.305.979.452
Phải thu lợi nhuận từ hợp đồng hợp tác đầu tư	14.486.048.601	15.247.104.684
Công ty Cổ phần FIT Cosmetics		
Mua hàng từ bên liên quan	84.812.866	267.248.118
Công ty TNHH Xuất nhập khẩu và Thương mại F.I.T Việt Nam		
Mua hàng từ bên liên quan	97.036.831.168	148.027.476.988
Công ty Cổ phần Vật tư Kỹ thuật Nông nghiệp Cần Thơ		
Mua hàng từ bên liên quan	22.685.185	-

Công nợ với các bên liên quan khác

Công nợ với các bên liên quan khác được trình bày tại các thuyết minh số V.3, V.5, V.14, V.15 và V.18.

2. Thông tin về bộ phận

Hoạt động kinh doanh chủ yếu của Công ty là sản xuất và kinh doanh dược phẩm, được thực hiện trong lãnh thổ Việt Nam. Vì vậy, rủi ro và tỷ suất sinh lời của Công ty không bị tác động chủ yếu bởi những khác biệt về hàng hóa/dịch vụ mà Công ty cung cấp hoặc do Công ty hoạt động tại nhiều khu vực địa lý khác nhau. Do đó, Ban Tổng Giám đốc nhận định Công ty chỉ có 01 bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh và 01 bộ phận theo khu vực địa lý và Công ty không cần phải trình bày báo cáo bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh và báo cáo bộ phận theo khu vực địa lý.

3. Sự kiện phát sinh sau ngày kết thúc năm tài chính

Không có sự kiện trọng yếu nào phát sinh sau ngày kết thúc năm tài chính yêu cầu phải điều chỉnh số liệu hoặc công bố trên Báo cáo tài chính.

Lập, ngày 20 tháng 3 năm 2026

Người lập biểu

Kế toán trưởng

Tổng Giám đốc

Bùi Thị Mỹ Đăng

Bùi Thị Mỹ Đăng

Nguyễn Thị Thu Hương